

SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày 26...Tháng 7...Năm 2017

GIÁM ĐỐC HÀNH CHÍNH NHÂN SỰ



Nguyễn Danh Cường

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

**TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ
PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP-
TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 6
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	7 - 8
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	9 - 12
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	13
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	14 - 15
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	16 - 66
8. Phụ lục	67 - 70

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP- TNHH MỘT THÀNH VIÊN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp – TNHH một thành viên trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp – TNHH một thành viên (công ty mẹ) và Báo cáo tài chính của các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

Khái quát về Tập đoàn

Công ty mẹ

Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp – TNHH một thành viên (gọi tắt là “Tổng Công ty”) là Công ty TNHH một thành viên vốn Nhà nước được chuyển đổi từ Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp theo Quyết định số 1516/QĐ-UBND ngày 25 tháng 5 năm 2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700145020 ngày 03 tháng 6 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Trong quá trình hoạt động Tổng Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi như sau:

- Thay đổi lần thứ 01 ngày 27 tháng 01 năm 2011 về việc tăng vốn điều lệ từ 2.143.000.000.000 VND lên 5.500.000.000.000 VND;
- Thay đổi lần thứ 02 ngày 06 tháng 8 năm 2013 về việc tăng vốn điều lệ từ 5.500.000.000.000 VND lên 8.500.000.000.000 VND.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:	8.500.000.000.000 VND
Vốn pháp định:	6.000.000.000 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại thời điểm cuối năm:	7.752.803.839.929 VND

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ	: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.
Điện thoại	: (84 -65) 3 822 655
Fax	: (84 -65) 3 822 713
E-mail	: becamex@hcm.vnn.vn
Mã số thuế	: 3 7 0 0 1 4 5 0 2 0

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp phát triển công nghiệp Mỹ Phước	Khu công nghiệp Mỹ Phước 1, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương.
Xí nghiệp phát triển công nghiệp Bàu Bàng – Thới Hòa	Khu công nghiệp Bàu Bàng, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương.
Chi nhánh Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp – TNHH một thành viên	Phòng 1908-09 tầng 19, cao ốc Sài Gòn Trade Center, số 37 Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
Ban quản lý phát triển Khu liên hợp công nghiệp - dịch vụ - đô thị Bình Dương	Đường Huỳnh Văn Lũy, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (chi tiết: Kinh doanh bất động sản);
- Hoạt động đo đạc bản đồ (Chi tiết: Khảo sát, đo đạc và vẽ bản đồ địa chính);
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (Chi tiết: Sàn giao dịch bất động sản);
- Tư vấn, thiết kế, giám sát, thi công, xây dựng các công trình dân dụng, công cộng, công nghiệp, giao thông, công trình kỹ thuật hạ tầng;



TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - TNHH MỘT THÀNH VIÊN
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Khai thác, chế biến khoáng sản;
- Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng, các loại cấu kiện bê tông đúc sẵn;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư và khu đô thị; dịch vụ nhà ở công nhân;
- Tư vấn và lập quy hoạch chi tiết, thiết kế kỹ thuật, tổng dự toán, lập, thẩm định dự án đầu tư các khu dân cư, khu đô thị, khu công nghiệp, các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông;
- Thực hiện kinh doanh các dự án đầu tư xây dựng theo phương thức BOT (Xây dựng – kinh doanh – chuyển giao);
- Thi công các công trình điện công nghiệp và điện dân dụng;
- Thiết kế, thẩm tra, giám sát và thi công các công trình điện năng từ 35 KV trở xuống (Đường dây tải điện, trạm biến thế, hệ thống chiếu sáng, hệ thống điện dân dụng và công nghiệp);
- Quản lý dự án và giám sát thi công công trình;
- Sản xuất, chế biến, mua bán lương thực, thực phẩm, hàng nông, lâm, thủy hải sản, hàng tiêu dùng;
- Sản xuất, gia công, mua bán các sản phẩm dệt và may mặc;
- Sản xuất, lắp ráp, mua bán hàng điện tử, máy móc, thiết bị, phụ tùng phục vụ cho sản xuất công nghiệp và tiêu dùng;
- Sản xuất, mua bán vật tư, nguyên liệu và hàng hóa phục vụ cho sản xuất và tiêu dùng;
- Sản xuất, kinh doanh dược phẩm, vật tư, dụng cụ y tế và mỹ phẩm;
- Dịch vụ vận tải, giao nhận hàng hóa và khai thuê hải quan;
- Thực hiện các dịch vụ tiếp thị, nghiên cứu thị trường và tư vấn đầu tư;
- Đầu tư tài chính vào các doanh nghiệp khác trong và ngoài nước;
- Hoạt động trong lĩnh vực bệnh viện, y tế, giáo dục.

Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật	Tầng 5 Becamex Tower, 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	Số 3700805566, đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 7 năm 2007; thay đổi lần 9 ngày 29 tháng 7 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp	78,80%
Công ty cổ phần phát triển đô thị	C1-2-3 đường DT6 – Khu liên hiệp công nghiệp dịch vụ Bình Dương, phường Hoà Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	Số 3700785535 đăng ký lần đầu ngày 26 tháng 3 năm 2007 và thay đổi lần 6 ngày 03 tháng 7 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp	51,00%
Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương	Số 26-27, lô 1, đường Đồng Khởi, phường Hoà Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	Số 3700413826 thay đổi lần thứ 18 ngày 04 tháng 6 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp	60,70%
Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương	Lô G, đường Đồng Khởi, phường Hoà Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	Số 3700408992 thay đổi lần thứ 10 ngày 13 tháng 5 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp	51,82%
Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước	Đường TC3, thị trấn Mỹ Phước, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương	Số 3700696042 thay đổi lần thứ 6 ngày 23 tháng 01 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp	80,40%
Công ty cổ phần bê tông Becamex	Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, thị trấn Mỹ Phước, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương	Số 3700926112 thay đổi lần thứ 4 ngày 22 tháng 5 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp	73,37%

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - TNHH MỘT THÀNH VIÊN
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty cổ phần dược Becamex (trước đây là Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Dương)	Đường NA6, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, thị trấn Mỹ Phước, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương	Số 3700683163 thay đổi lần thứ 11 ngày 04 tháng 12 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp	68,00%
Trường đại học quốc tế Miền Đông (trước đây là Công ty cổ phần phát triển giáo dục Becamex)	Khu đô thị mới thuộc Khu liên hợp công nghiệp dịch vụ và đô thị Bình Dương, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	Số 46121000047 thay đổi lần thứ 01 ngày 13 tháng 9 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp	75,00%
Công ty TNHH một thành viên cấp thoát nước môi trường Bình Dương	Số 11, Ngõ Văn Trị, phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	Số 3700145694 thay đổi lần thứ 10 ngày 19 tháng 11 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp	100,00%
Công ty TNHH một thành viên cao su Bình Dương	Đường ĐT 750, ấp Ông Thanh, xã Cây Trường, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương	Số 3700248731 thay đổi lần thứ 01 ngày 02 tháng 10 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp	99,45%
Công ty TNHH một thành viên khách sạn Becamex	Becamex Tower, 230 Đại Lộ Bình Dương, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	Số 3701906616 ngày 06 tháng 9 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp	100,00%
Công ty TNHH một thành viên thương mại Becamex	Becamex Tower, 230 Đại Lộ Bình Dương, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	Số 3702280392 ngày 12 tháng 6 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp	100,00%
Công ty cổ phần cửa sổ Mùa Xuân	Lô A-9B-CN-KCN Bàu Bàng, xã Lai Hưng, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương	Số 3701545462 điều chỉnh lần 8 ngày 02 tháng 10 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp	70,59%
Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng Việt	D12, đường Lê Hoàn, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	Số 3701535016 ngày 18 tháng 6 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp	78,01%
Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang – Becamex	Đường D1 – Khu công nghiệp Mỹ Phước 1, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương	Số 3700877200 ngày 13 tháng 02 năm 2008 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Dương cấp	58,00%
Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Becamex	Ấp Mương Đào, Xã Long Nguyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương	Số 3700945605 ngày 10 tháng 7 năm 2008 do Sở Kế hoạch và đầu tư Bình Dương cấp	81,00%
Công ty cổ phần khoáng sản Becamex	Xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương	Số 4603000553 ngày 03 tháng 6 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp	74,66%
Công ty cổ phần đá ốp lát An Bình	Ấp Tân Thịnh, xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.	Số 3701799724 thay đổi lần 01 ngày 10 tháng 02 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.	60,00%

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Tập đoàn

Trong năm, Tập đoàn đã chuyển nhượng một phần cổ phần tại Công ty cổ phần khoáng sản Becamex cho Công ty cổ phần kinh doanh và đầu tư Bình Dương và Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng tổng hợp Bình Dương theo các Nghị quyết số 02/2014/NQ-HĐTV và số 2B/2014/NQ-HĐTV ngày 03 tháng 4 năm 2014 của Hội đồng thành viên.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tập đoàn được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 09 đến trang 70).

Trong năm, Tổng Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế như sau:

- Trích quỹ đầu tư phát triển	152.411.373.606 VND
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	4.705.320.833 VND
- Lợi nhuận nộp ngân sách	350.921.217.584 VND
Cộng	508.037.912.023 VND

Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng thành viên và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng thành viên và Ban điều hành, quản lý của Tổng Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng thành viên

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Hùng	Chủ tịch	02 tháng 6 năm 2010	-
Ông Bùi Văn Đức	Phó Chủ tịch	02 tháng 6 năm 2010	08 tháng 10 năm 2014
Ông Nguyễn Văn Dành	Phó Chủ tịch	08 tháng 10 năm 2014	-
Ông Nguyễn Phú Thịnh	Thành viên	02 tháng 6 năm 2010	-
Ông Nguyễn Văn Hoàng	Thành viên	02 tháng 6 năm 2010	-
Ông Nguyễn Danh Tùng	Thành viên	02 tháng 6 năm 2010	-

Kiểm soát viên

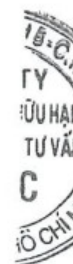
Họ và tên	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Thanh Nhân	18 tháng 8 năm 2010	-

Ban điều hành, quản lý

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Hùng	Tổng Giám đốc	02 tháng 6 năm 2010	-
Ông Nguyễn Văn Hoàng	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 7 năm 2010	-
Ông Bùi Văn Chiến	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 7 năm 2010	-
Ông Bùi Văn Đức	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 7 năm 2010	08 tháng 10 năm 2014
Ông Phạm Ngọc Thuận	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 7 năm 2010	-
Ông Nguyễn Văn Dành	Phó Tổng Giám đốc		
	Kiểm Kế toán trưởng	30 tháng 12 năm 2013	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Tổng Công ty.



TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn và Báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Nguyễn Văn Hùng
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 4 năm 2015

CHỖ ĐÓNG CHỮ



**BAKER TILLY
A&C**

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.



Headquarters : 2 Trương Sơn St., W. 2, Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang: 18 Trần Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Trần Ngọc Quê St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0562/2015/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CHỦ SỞ HỮU, HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - TNHH MỘT
THÀNH VIÊN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp – TNHH một thành viên, được lập ngày 28 tháng 3 năm 2015, từ trang 09 đến trang 70, bao gồm: Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp – TNHH một thành viên (Công ty mẹ) và các Công ty con (danh sách các công ty con được trình bày ở thuyết minh I.5 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất) (gọi chung là Tập đoàn) gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp – TNHH một thành viên chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		31.551.653.255.003	26.955.468.273.254
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	3.043.044.797.339	5.120.174.203.374
1. Tiền	111		1.386.360.151.728	2.853.983.143.473
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.656.684.645.611	2.266.191.059.901
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		409.928.076.422	101.108.925.100
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	412.088.738.272	104.495.770.935
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(2.160.661.850)	(3.386.845.835)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.735.252.679.562	3.311.187.726.609
1. Phải thu khách hàng	131	V.4	3.635.519.338.373	1.628.352.196.816
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	319.819.916.706	960.541.709.850
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.6	802.624.397.159	739.711.063.547
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.7	(22.710.972.676)	(17.417.243.604)
IV. Hàng tồn kho	140		22.813.426.247.433	18.244.355.360.044
1. Hàng tồn kho	141	V.8	22.813.551.387.148	18.244.633.584.665
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.9	(125.139.715)	(278.224.621)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		550.001.454.247	178.642.058.127
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	59.057.014.442	51.814.419.508
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		175.958.384.546	41.202.711.177
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		243.537.288.670	13.228.888.578
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.11	71.448.766.589	72.396.038.864

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		16.174.839.728.168	14.581.224.970.477
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.270.339.514.458	1.303.607.093.800
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.12	1.265.013.409.208	1.299.947.588.550
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.13	5.326.105.250	3.659.505.250
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		6.874.920.357.641	6.072.966.913.827
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.14	4.466.170.215.369	4.010.577.405.592
<i>Nguyên giá</i>	222		6.588.493.889.959	5.744.661.844.252
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(2.122.323.674.590)	(1.734.084.438.660)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.15	162.641.656.433	132.034.473.204
<i>Nguyên giá</i>	228		187.366.774.441	151.302.225.757
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(24.725.118.008)	(19.267.752.553)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.16	2.246.108.485.839	1.930.355.035.031
III. Bất động sản đầu tư	240	V.17	365.453.411.683	191.918.640.174
<i>Nguyên giá</i>	241		371.879.968.387	195.416.366.269
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(6.426.556.704)	(3.497.726.095)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		7.285.601.745.105	6.709.609.677.246
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.18	7.155.042.343.359	6.535.102.818.736
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.19	130.592.120.000	176.716.833.046
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.20	(32.718.254)	(2.209.974.536)
V. Tài sản dài hạn khác	260		364.965.132.549	285.953.436.303
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.21	91.727.472.732	90.803.836.701
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.22	269.229.862.110	191.415.968.237
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.23	4.007.797.707	3.733.631.365
VI. Lợi thế thương mại	269	V.24	13.559.566.731	17.169.209.126
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		47.726.492.983.172	41.536.693.243.731

715-C
 TY
 HỮU HẠN
 ĐẦU TƯ VÀ
 C
 HỒ CHÍ MINH

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		36.194.828.850.282	31.105.289.897.596
I. Nợ ngắn hạn	310		22.330.527.087.384	20.081.622.036.491
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.25	6.724.369.082.484	7.408.252.313.240
2. Phải trả người bán	312	V.26	2.715.197.105.419	1.089.613.590.075
3. Người mua trả tiền trước	313	V.27	1.334.706.170.322	1.395.603.310.109
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.28	265.878.543.855	500.421.310.956
5. Phải trả người lao động	315	V.29	82.548.528.623	90.059.411.706
6. Chi phí phải trả	316	V.30	10.862.413.442.373	9.133.249.232.561
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.31	189.971.854.509	187.770.757.616
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	V.32	8.570.280.787	12.670.907.077
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.33	146.872.079.012	263.981.203.151
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		13.864.301.762.898	11.023.667.861.105
1. Phải trả dài hạn người bán	331		43.776.708.000	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.34	2.375.552.086.504	1.858.432.845.073
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.35	11.348.782.126.278	9.051.823.759.475
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		2.512.544.185	2.801.768.663
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	V.36	76.387.772.692	92.559.702.381
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339	V.37	17.290.525.239	18.049.785.513
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		10.066.457.986.884	8.910.496.132.632
I. Vốn chủ sở hữu	410		9.911.402.528.237	8.746.913.517.615
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.38	7.752.803.839.929	6.133.086.227.707
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.38	12.869.408.560	13.067.408.560
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	V.38	371.832.467.403	13.436.150.914
4. Cổ phiếu quỹ	414	V.38	-	(99.960.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	V.38	5.896.344.792	6.985.609.970
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.38	129.354.531.935	1.418.512.486.699
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.38	68.888.504.674	97.133.749.125
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.38	403.275.092.477	555.537.264.926
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421	V.38	1.166.482.338.466	509.254.579.714
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		155.055.458.647	163.582.615.017
1. Nguồn kinh phí	432		656.106.813	1.391.495.672
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		154.399.351.834	162.191.119.345
C - LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	V.39	1.465.206.146.005	1.520.907.213.502
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		47.726.492.983.172	41.536.693.243.731

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		286.238.026	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		1.073.064.723	717.245.442
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		1.427.011,35	494.496,61
Euro (EUR)		10.380,02	10.119,70
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Bình Dương, ngày 28 tháng 3 năm 2015



Phan Thị Mỹ Kim
Người lập biểu

Nguyễn Văn Dành
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Hùng
Tổng Giám đốc



TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	6.091.175.053.520	4.844.643.939.994
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	258.825.975.921	441.896.142.895
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	5.832.349.077.599	4.402.747.797.099
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	4.634.465.037.409	2.678.007.635.252
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.197.884.040.190	1.724.740.161.847
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	370.792.793.417	884.533.616.729
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	361.290.400.027	358.053.731.660
Trong đó: chi phí lãi vay	23		358.034.666.369	338.325.080.085
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	610.114.137.927	579.997.809.602
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	329.606.266.226	394.818.559.553
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		267.666.029.427	1.276.403.677.762
11. Thu nhập khác	31	VI.7	183.785.001.467	78.251.024.098
12. Chi phí khác	32	VI.8	145.049.800.728	66.475.502.719
13. Lợi nhuận khác	40		38.735.200.739	11.775.521.379
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45	VI.9	391.127.596.542	309.472.126.562
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		697.528.826.708	1.597.651.325.703
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.28	128.885.767.956	278.268.428.250
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.22	(77.813.893.874)	(95.847.410.820)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>646.456.952.626</u>	<u>1.415.230.308.273</u>
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		94.803.608.863	137.421.553.451
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		551.653.343.763	1.277.808.754.821
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		<u>-</u>	<u>-</u>

Bình Dương, ngày 28 tháng 3 năm 2015

Phan Thị Mỹ Kim
Người lập biểuNguyễn Văn Danh
Kế toán trưởngNguyễn Văn Hùng
Tổng Giám đốc

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		697.528.826.708	1.597.651.325.703
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		453.511.176.122	408.509.658.494
- Các khoản dự phòng	03		1.761.315.499	(9.580.209.634)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.3, 4	(23.912.179.226)	1.957.877.119
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(685.292.745.910)	(1.178.808.954.073)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	358.034.666.369	338.325.080.085
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		801.631.059.563	1.158.054.777.694
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(1.638.269.850.608)	(4.366.559.245.342)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(3.563.549.766.567)	(2.768.064.778.254)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		3.931.912.338.914	4.134.682.217.294
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(9.259.437.257)	(39.562.442.509)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(829.475.408.804)	(768.389.282.073)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.28	(288.205.533.832)	(187.172.603.023)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		107.698.019.521	117.782.761.800
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(292.740.737.123)	(237.526.055.538)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(1.780.259.316.193)	(2.956.754.649.951)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(1.379.176.178.106)	(896.766.971.102)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	85.872.929.665	5.503.899.126
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(413.453.977.266)	(270.804.008.802)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		111.434.347.544	2.381.362.000.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(417.692.344.872)	(14.878.230.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		7.339.611.352	57.601.904.452
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.6; VI.3	221.242.428.463	319.105.089.476
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.784.433.183.220)	1.581.123.683.150

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	V.38	733.379.157.940	580.129.156.658
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.25, 35	11.952.001.180.636	10.205.108.886.116
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.25, 35	(10.330.875.140.012)	(5.444.249.120.416)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.28, 39	(867.209.857.460)	(718.293.961.275)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		1.487.295.341.104	4.622.694.961.083
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(2.077.397.158.310)	3.247.063.994.282
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	5.120.174.203.374	1.872.905.810.514
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		267.752.275	204.398.578
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	3.043.044.797.339	5.120.174.203.374

Ban hành ngày 28 tháng 3 năm 2015



Phan Thị Mỹ Kim
Người lập biểu

Nguyễn Văn Dành
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Hùng
Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2014

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp – TNHH một thành viên bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp – TNHH một thành viên (công ty mẹ) và Báo cáo tài chính của các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

1. Hình thức sở hữu vốn

của công ty mẹ : Tổng Công ty Nhà nước.

2. Lĩnh vực kinh doanh : Đầu tư, xây dựng, sản xuất - chế biến, thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh :

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. (Chi tiết: Kinh doanh bất động sản);
- Hoạt động đo đạc bản đồ (chi tiết: Khảo sát, đo đạc và vẽ bản đồ địa chính);
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (chi tiết: Sàn giao dịch bất động sản);
- Tư vấn, thiết kế, giám sát, thi công, xây dựng các công trình dân dụng, công cộng, công nghiệp, giao thông, công trình kỹ thuật hạ tầng;
- Khai thác, chế biến khoáng sản. Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng, các loại cấu kiện bê tông đúc sẵn;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư và khu đô thị; dịch vụ nhà ở công nhân;
- Tư vấn và lập quy hoạch chi tiết, thiết kế kỹ thuật, tổng dự toán, lập, thẩm định dự án đầu tư các khu dân cư, khu đô thị, khu công nghiệp, các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông;
- Thực hiện kinh doanh các dự án đầu tư xây dựng theo phương thức BOT (Xây dựng – kinh doanh – chuyển giao);
- Thi công các công trình điện công nghiệp và điện dân dụng. Thiết kế, thẩm tra, giám sát và thi công các công trình điện năng từ 35 KV trở xuống (Đường dây tải điện, trạm biến thế, hệ thống chiếu sáng, hệ thống điện dân dụng và công nghiệp); Quản lý dự án và giám sát thi công công trình;
- Sản xuất, chế biến, mua bán lương thực, thực phẩm, hàng nông, lâm, thủy hải sản, hàng tiêu dùng;
- Sản xuất, gia công, mua bán các sản phẩm dệt và may mặc;
- Sản xuất, lắp ráp, mua bán hàng điện tử, máy móc, thiết bị, phụ tùng phục vụ cho sản xuất công nghiệp và tiêu dùng;
- Sản xuất, mua bán vật tư, nguyên liệu và hàng hóa phục vụ cho sản xuất và tiêu dùng;
- Sản xuất, kinh doanh dược phẩm, vật tư, dụng cụ y tế và mỹ phẩm;
- Dịch vụ vận tải, giao nhận hàng hóa và khai thuê hải quan;
- Thực hiện các dịch vụ tiếp thị, nghiên cứu thị trường và tư vấn đầu tư;
- Đầu tư tài chính vào các doanh nghiệp khác trong và ngoài nước;
- Hoạt động trong lĩnh vực bệnh viện, y tế, giáo dục.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

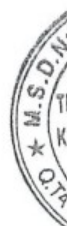
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tổng số các công ty con	:	18
Trong đó:		
Số lượng các công ty con được hợp nhất:		18

4. Danh sách các công ty con được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật	Tầng 5 Becamex Tower, 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	78,80%	78,80%
Công ty cổ phần phát triển đô thị	C1-2-3 đường DT6 – Khu liên hiệp công nghiệp dịch vụ Bình Dương, phường Hoà Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	51,00%	51,00%
Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương	Số 26-27, lô 1, đường Đồng Khởi, phường Hoà Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	60,70%	60,70%
Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương	Lô G, đường Đồng Khởi, phường Hoà Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	51,82%	51,82%
Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước	Đường TC3, thị trấn Mỹ Phước, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương	76,11%	80,40%
Công ty cổ phần bê tông Becamex	Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, thị trấn Mỹ Phước, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương	73,37%	73,37%
Công ty cổ phần dược Becamex (trước đây là Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Dương)	Đường NA6, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, thị trấn Mỹ Phước, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương	61,32%	68,00%
Trường Đại học Quốc tế Miền Đông (trước đây là Công ty cổ phần phát triển giáo dục Becamex)	Khu đô thị mới thuộc Khu liên hiệp công nghiệp dịch vụ và đô thị Bình Dương, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	65,57%	75,00%
Công ty TNHH một thành viên cấp thoát nước môi trường Bình Dương	Số 11, Ngõ Văn Trị, phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	100,00%	100,00%
Công ty TNHH một thành viên cao su Bình Dương	Đường ĐT 750, ấp Ông Thanh, xã Cây Trùng, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương	99,45%	99,45%
Công ty TNHH một thành viên khách sạn Becamex	Becamex Tower, 230 Đại Lộ Bình Dương, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	78,80%	100,00%
Công ty TNHH một thành viên thương mại Becamex	Becamex Tower, 230 Đại Lộ Bình Dương, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	78,80%	100,00%
Công ty cổ phần cửa sổ Mùa Xuân	Lô A-9B-CN-KCN Bàu Bàng, xã Lai Hưng, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương	42,85%	70,59%
Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng Việt	D12, đường Lê Hoàn, Phường Hoà Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	47,35%	78,01%
Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang – Becamex	Đường D1 – Khu công nghiệp Mỹ Phước 1, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương	35,21%	58,00%



TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Becamex	Ấp Mương Đào, Xã Long Nguyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương	49,17%	81,00%
Công ty cổ phần khoáng sản Becamex	Xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương	54,78%	74,66%
Công ty cổ phần đá ốp lát An Bình	Ấp Tân Thịnh, xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.	32,87%	60,00%

5. Danh sách các công ty liên doanh, liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty liên doanh TNHH khu công nghiệp Việt Nam - Singapore	Số 8 Đại lộ Hữu Nghị, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương.	49,00%	49,00%
Công ty cổ phần Setia – Becamex	Đại lộ NE2, xã Thới Hoà, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương.	40,00%	40,00%
Công ty cổ phần chứng khoán Đệ Nhất	Số 9 Hoàng Văn Thụ, phường Chánh Nghĩa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	37,15%	37,15%
Công ty cổ phần bảo hiểm Hùng Vương	4Bis, Nguyễn Đình Chiểu, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh	20,00%	20,00%
Công ty cổ phần dược phẩm Savi	Lô Z01 - 02 -03a, Khu chế xuất Tân Thuận, quận 7, TP. Hồ Chí Minh	31,67%	31,67%
Công ty cổ phần công nghệ & truyền thông Việt Nam	Lô T4, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, tỉnh Bình Dương	45,00%	30,00%
Công ty TNHH Becamex Tokyu	Tầng 17 Becamex Tower- 230 Đại lộ Bình Dương, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	35,00%	35,00%
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Chánh Phú Hoà	Số 7 Ngô Văn Trị, phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	43,15%	43,15%
Công ty cổ phần nước Thủ Dầu Một	Số 7 Ngô Văn Trị, phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	26,00%	26,00%
Công ty cổ phần tái chế vật liệu Xanh	Số 7 Ngô Văn Trị, phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	21,88%	21,88%
Công ty cổ phần nước Đồng Nai	Số 48 Cách mạng tháng 8, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	20,00%	20,00%

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Danh sách các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty cổ phần phát triển giáo dục Miền Đông	Lô M2, đường Lý Thái Tổ, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	50,00%	50,00%
Công ty liên doanh TNHH Sinviet	Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore, xã Bình Hoà, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương	50,00%	50,00%

7. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 Tập đoàn có 5.976 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 5.732 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp – TNHH một thành viên đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Các Công ty trong Tập đoàn sử dụng hình thức nhật ký chứng từ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp – TNHH một thành viên (công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nằm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm phát sinh nghiệp vụ mua.

4. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết được bao gồm trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu chi phí đầu tư thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm phát sinh nghiệp vụ mua.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng năm tài chính với Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa chi phí mua so với phần lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý (được xác định bằng giá trị sổ sách) thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết tại ngày mua. Lợi thế thương mại được ghi nhận là tài sản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 5 - 10 năm.

Khi bán công ty con, công ty liên kết, giá trị còn lại của lợi thế thương mại liên quan đến các đơn vị này được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

6. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Đối với hàng hóa, nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Đối với bất động sản: bao gồm chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng bất động sản.
- Đối với các công trình xây dựng dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08
Tài sản cố định hữu hình khác	10

10. Tài sản thuê hoạt động

Tập đoàn là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

Tập đoàn là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.



TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tập đoàn hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao của các loại bất động sản đầu tư như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	50
Quyền sử dụng đất	13

12. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao trong 49 năm.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 đến 08 năm.

Tài sản vô hình khác

Tài sản vô hình khác bao gồm chi phí thiết kế trang web, chi phí khảo sát, thăm dò trữ lượng đủ tiêu chuẩn kỹ thuật công. Các chi phí này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 đến 10 năm.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Việc tính khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như các tài sản cùng loại khác và chỉ bắt đầu khấu hao từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

15. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán và đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

16. Chi phí trả trước dài hạn

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi phí thuê tài sản

Chi phí thuê tài sản được phân bổ theo thời hạn thuê.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo thời gian sử dụng từ 2 - 3 năm.

Chi phí sửa chữa, nâng cấp tài sản

Chi phí sửa chữa, nâng cấp tài sản được phân bổ vào chi phí trong thời gian từ 02 - 03 năm.

Chi phí khác

Chi phí khác bao gồm chi phí sửa chữa, thiết kế,... được phân bổ vào chi phí trong thời gian từ 02 - 03 năm.

17. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

18. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Tập đoàn phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại các công ty trong Tập đoàn từ đủ 12 tháng trở lên. Mức chi trả trợ cấp thôi việc bằng 1/2 tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc đối với thời gian người lao động làm việc tại các công ty trong Tập đoàn mà không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

19. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được Tổng Giám đốc Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp – TNHH một thành viên quyết định thành lập nhằm tạo nguồn tài chính đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ như sau:

- Cấp kinh phí để thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ.
- Hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ:
 - Trang bị cơ sở vật chất - kỹ thuật cho hoạt động khoa học và công nghệ;
 - Mua máy móc, thiết bị để đổi mới công nghệ trực tiếp sử dụng vào việc sản xuất sản phẩm của doanh nghiệp;
 - Mua bản quyền công nghệ, quyền sử dụng, quyền sở hữu sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, thông tin khoa học và công nghệ, các tài liệu, sản phẩm có liên quan để phục vụ cho hoạt động khoa học và công nghệ;
 - Trả lương, chi thuê chuyên gia hoặc hợp đồng với tổ chức khoa học và công nghệ để thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ;
 - Chi phí cho đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ;
 - Chi cho các hoạt động sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hoá sản xuất;
 - Chi phí cho các hoạt động hợp tác nghiên cứu, triển khai về khoa học và công nghệ với các tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản cố định hình thành từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ được ghi giảm quỹ phát triển khoa học và công nghệ đồng thời ghi tăng quỹ phát triển khoa học và công nghệ đã hình thành tài sản cố định. Khi sử dụng cho mục đích nghiên cứu, phát triển khoa học và công nghệ, tài sản này được trích khấu hao và ghi giảm quỹ phát triển khoa học và công nghệ đã hình thành tài sản cố định tương ứng.

Mức trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ bằng 10% thu nhập tính thuế trong năm theo Quyết định của Tổng Giám đốc và hoạt động của quỹ và được hạch toán vào chi phí. Nếu trong năm, chỉ cho hoạt động khoa học công nghệ vượt số dư hiện có tại quỹ thì khoản chi vượt được lấy từ số trích lập quỹ của các năm sau.

20. Các khoản dự phòng phải trả

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng công trình xây lắp có cam kết bảo hành với mức trích lập được ước tính bằng 05% doanh thu công trình xây lắp có yêu cầu bảo hành.

21. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của chủ sở hữu công ty mẹ.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

22. Trích lập các quỹ

Tập đoàn phân phối lợi nhuận theo các quy định sau:

- Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp – TNHH một thành viên (Công ty mẹ) phân phối lợi nhuận theo Thông tư số 187/2013/TT-BTC ngày 05 tháng 12 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 204/2013/NĐ-CP ngày 05 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Nghị quyết của Quốc hội về một số giải pháp thực hiện ngân sách Nhà nước năm 2013, 2014.

Các quỹ được Tổng Công ty trích lập và sử dụng như sau:

	Mục đích	Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế/ Mức trích lập
- Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu	30%
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động	3 tháng lương
- Quỹ thưởng Ban điều hành	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất cho Ban điều hành	1,5 tháng lương

- Các công ty con phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hoặc Hội đồng thành viên hàng năm.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

23. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

24. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được quy đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2013 : 21.079 VND/USD
29.007 VND/EUR
31/12/2014: 21.371 VND/USD
25.909 VND/EUR

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

25. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều năm tài chính thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu bán lô đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng

Doanh thu bán lô đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng được ghi nhận khi đã hoàn thành cơ bản công tác xây dựng cơ sở hạ tầng và lô đất đã được bàn giao cho khách hàng.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được trình bày ở thuyết minh số IV.10.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Tập đoàn tự xác định.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng năm.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

26. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm các nhóm: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

27. Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

28. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

29. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.2.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	24.825.005.581	16.402.289.107
Tiền gửi ngân hàng ⁽ⁱ⁾	1.361.514.147.281	2.837.580.854.366
Tiền đang chuyển	20.998.866	-
Các khoản tương đương tiền ⁽ⁱⁱ⁾	1.656.684.645.611	2.266.191.059.901
Cộng	3.043.044.797.339	5.120.174.203.374

(i) Trong đó, khoản tiền gửi 700.344.286.934 VND và 1.394.954,08 USD tại Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương được thế chấp để đảm bảo các khoản vay tại ngân hàng này.

(ii) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng. Trong đó, một số khoản tiền gửi được cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của các ngân hàng, bao gồm:

- Khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng trị giá 736.000.000.000 VND đã được cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương;
- Tiền gửi tại Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai đã được cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay tại ngân hàng này là 90.000.000.000 VND.

2. Đầu tư ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Tiền gửi có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 1 năm ⁽ⁱ⁾		351.155.709.722		51.400.000.000
Các khoản cho vay		56.040.000.000		45.000.000.000
- Cho Công ty TNHH Tùng Trần vay với lãi suất 5%/năm		5.500.000.000		6.000.000.000
- Cho Công ty cổ phần tư vấn dịch vụ và đầu tư vay với lãi suất 5%/năm		20.000.000.000		20.000.000.000
- Cho Công ty TNHH TMDV Sóng Thần vay với lãi suất 12%/năm		-		1.000.000.000
- Cho Công ty TNHH Đại Phú Thịnh vay với lãi suất 10 - 12%/năm		20.000.000.000		15.000.000.000
- Cho Công ty TNHH thiết bị nhiệt Đồng Tâm vay với lãi suất 10,8%/năm		-		3.000.000.000
- Cho Công ty cổ phần tái chế vật liệu Xanh vay		2.500.000.000		-
- Cho Công ty TNHH Quỳnh Phúc vay		5.000.000.000		-
- Cho cán bộ công nhân viên trong Tập đoàn vay		3.040.000.000		-
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn		4.893.028.550		8.095.770.935
Cộng		412.088.738.272		104.495.770.935

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (i) Khoản tiền gửi có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 1 năm có giá trị 233.000.000.000 VND đã được cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương.

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(3.386.845.835)	(2.281.647.335)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	(1.105.198.500)
Hoàn nhập dự phòng	1.226.183.985	-
Số cuối năm	(2.160.661.850)	(3.386.845.835)

4. Phải thu khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	1.998.609.931.304	490.638.471.051
Phải thu các khách hàng khác	1.636.909.407.069	1.137.713.725.765
Cộng	3.635.519.338.373	1.628.352.196.816

5. Trả trước cho người bán

Khoản trả trước cho các nhà cung cấp khác không phải là bên liên quan của Tập đoàn.

6. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	474.877.733.111	536.568.817.375
Phải thu thanh lý khoản đầu tư	92.600.020.000	53.180.020.000
Thuế giá trị gia tăng tạm nộp theo số tiền khách hàng ứng trước để sang nhượng và thuê đất	72.826.063.886	65.268.721.304
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp theo số tiền khách hàng ứng trước để sang nhượng và thuê đất	7.799.837.985	7.860.761.978
Lãi tiền gửi có kỳ hạn dự thu	61.881.429.100	23.052.101.903
Thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa kê khai, khấu trừ	1.449.028.457	194.628.583
Ứng trước tiền sử dụng đất	57.319.009.140	4.050.000.000
Bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp	910.544.253	663.697.991
Chi phúc lợi trong khi chưa có quỹ	4.154.038.251	1.211.717.476
Tạm ứng thi công công trình xây dựng	4.100.387.164	6.984.937.471
Các khoản chi hộ	737.898.577	4.964.338.295
Các khoản khác	23.968.407.235	35.711.321.171
Cộng	802.624.397.159	739.711.063.547

Quyền thu cổ tức hàng năm của các công ty liên doanh liên kết được dùng để đảm bảo cho các khoản vay Quỹ đầu tư và phát triển Bình Dương với số tiền tối đa là 180 tỷ VND (xem thuyết minh số V.25).

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	(22.710.972.676)	(16.063.342.860)
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 01 năm	(709.471.366)	(427.503.914)
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	(1.640.965.169)	(1.409.887.937)
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	(3.912.533.720)	(5.304.222.249)
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn trên 03 năm	(16.448.002.421)	(8.921.728.761)
Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	-	(1.353.900.744)
Cộng	(22.710.972.676)	(17.417.243.604)

Tình hình biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số đầu năm	(17.417.243.604)	(26.946.135.040)
Trích lập dự phòng bổ sung	(5.699.212.784)	(7.065.544.834)
Hoàn nhập dự phòng	405.483.712	16.594.436.270
Số cuối năm	(22.710.972.676)	(17.417.243.604)

8. Hàng tồn kho

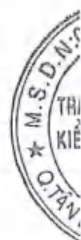
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đang đi đường	365.585.263	301.270.997
Nguyên liệu, vật liệu	316.580.477.773	268.978.820.277
Công cụ dụng cụ	4.564.628.130	6.687.662.277
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang ⁽¹⁾	21.731.850.483.432	17.308.202.649.828
Thành phẩm	39.666.967.306	54.172.019.720
Hàng hóa	716.960.152.386	604.683.789.924
Hàng gửi đi bán	3.563.092.858	1.607.371.642
Cộng	22.813.551.387.148	18.244.633.584.665

- ⁽¹⁾ Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang của Tập đoàn là chi phí xây dựng dở dang của các dự án bao gồm chi phí đền bù giải phóng mặt bằng, các chi phí phải trả để có được quyền sử dụng đất, chi phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và các chi phí khác có liên quan đến dự án. Một số tài sản đầu tư xây dựng dở dang đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn, dài hạn của các ngân hàng và trái phiếu phát hành (xem thuyết minh số V.25 và V.35).

9. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số đầu năm	(278.224.621)	(327.527.242)
Trích lập dự phòng bổ sung	(125.139.715)	(242.274.873)
Hoàn nhập dự phòng	278.224.621	291.577.494
Số cuối năm	(125.139.715)	(278.224.621)



TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ dụng cụ	22.421.901.182	14.553.733.187
Phí duy tu, sửa chữa	3.733.020.133	1.700.965.445
Chi phí dịch vụ	20.165.652.232	22.017.824.571
Chi phí khác	12.736.440.895	13.541.896.305
Cộng	59.057.014.442	51.814.419.508

11. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	70.103.207.141	69.354.309.936
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	237.368.986	2.586.648.199
Tài sản thiếu chờ xử lý	1.108.190.462	-
Tài sản ngắn hạn khác	-	455.080.729
Cộng	71.448.766.589	72.396.038.864

12. Phải thu dài hạn của khách hàng

Khoản phải thu các dự án bất động sản, hạ tầng, kỹ thuật của các khách hàng không phải bên liên quan của Tập đoàn.

13. Phải thu dài hạn khác

Khoản phải thu tiền tạm ứng cho nhân viên trong Tập đoàn mua nhà trả chậm.

14. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Thông tin về tăng, giảm tài sản cố định hữu hình được trình bày ở Phụ lục 1 đính kèm.

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 412.166.600.868 VND và 268.515.161.620 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương, Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương và Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội – Chi nhánh Bình Dương.

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 763.842.254.567 VND và 538.588.172.941 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho việc phát hành trái phiếu của Tập đoàn được mua bởi Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Bình Dương và Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Nam Á - Chi nhánh Bình Dương.

15. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Thông tin về tăng, giảm tài sản cố định vô hình được trình bày ở Phụ lục 2 đính kèm.

Quyền sử dụng đất có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 51.678.221.784 VND và 48.028.207.276 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương và Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

16. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Tăng khác	Kết chuyển vào tài sản cố định trong năm	Giảm khác	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	129.640.918.279	70.055.142.604	-	(17.054.944.739)	(153.780.157.126)	28.860.959.018
Mua quyền sử dụng đất	32.976.587.546	70.170.373.619	-	(68.287.636.488)	(6.609.799.000)	28.249.525.677
XDCB dở dang	1.761.482.054.196	692.785.506.124	3.836.666.666	(195.399.601.477)	(75.175.671.707)	2.187.528.953.802
Trồng rừng cao su	6.255.475.010	148.817.034	-	(2.958.563.302)	(2.352.152.047)	1.093.576.695
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	691.771.494	-	-	(316.300.847)	375.470.647
Cộng	1.930.355.035.031	833.851.610.875	3.836.666.666	(283.700.746.006)	(238.234.080.727)	2.246.108.485.839

Chi phí xây dựng công trình bệnh viện Mỹ Phước mở rộng trị giá 214.063.866.210 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương.

17. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất	Nhà cửa, vật kiến trúc	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	2.409.271.000	193.007.095.269	195.416.366.269
Tăng do chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	176.463.602.118	176.463.602.118
Số cuối năm	2.409.271.000	369.470.697.387	371.879.968.387
Trong đó:			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	849.422.475	2.648.303.620	3.497.726.095
Khấu hao trong năm	185.328.540	2.743.502.069	2.928.830.609
Số cuối năm	1.034.751.015	5.391.805.689	6.426.556.704
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	1.559.848.525	190.358.791.649	191.918.640.174
Số cuối năm	1.374.519.985	364.078.891.698	365.453.411.683
Trong đó:			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất tại xã An Thạnh, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương và chi phí mua 4 tầng tại Becamex Tower để đầu tư Trung tâm thương mại Becamex. Tập đoàn chưa có điều kiện để xác định giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư này.

Bất động sản đầu tư được dùng cho bên thứ ba thuê. Thu nhập và chi phí liên quan đến cho thuê bất động sản đầu tư như sau:

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ việc cho thuê	18.486.018.377	22.999.102.819
Chi phí trực tiếp liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	14.826.052.575	19.555.942.938

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty liên doanh TNHH khu công nghiệp Việt Nam - Singapore	-	3.183.108.279.660	-	2.779.938.750.730
Công ty cổ phần Setia - Becamex	26.400.000	190.978.892.544	26.400.000	218.605.022.406
Công ty cổ phần chứng khoán Đệ Nhất	11.144.578	132.170.047.882	11.144.578	123.565.101.981
Công ty cổ phần bảo hiểm Hùng Vương	6.000.000	63.546.553.727	6.000.000	61.084.527.389
Công ty cổ phần kinh doanh và đầu tư Bình Dương	-	-	804.000	10.567.546.229
Công ty cổ phần dược phẩm Savi	5.066.910	39.765.202.900	5.066.910	29.723.627.343
Công ty cổ phần công nghệ & truyền thông Việt Nam	10.896.400	81.648.682.761	10.896.400	121.833.941.661
Công ty cổ phần tư vấn xây dựng tổng hợp Bình Dương	-	-	99.192	1.665.204.232
Công ty TNHH Becamex Tokyu	-	2.967.137.790.523	-	2.989.080.727.068
Công ty cổ phần phát triển giáo dục Miền Đông	9.150.000	100.485.322.059	9.150.000	97.639.083.023
Công ty liên doanh TNHH Sinviet	-	3.592.161.517	-	3.418.515.627
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Chánh Phú Hòa	7.729.167	93.959.409.787	7.729.167	97.980.771.048
Công ty cổ phần nước Thủ Dầu Một		62.400.000.000		-
Công ty cổ phần tái chế vật liệu Xanh		750.000.000		-
Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai	20.000.000	235.500.000.000	-	-
Cộng		7.155.042.343.359		6.535.102.818.736

19. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu		105.304.620.000		127.207.978.880
- Công ty cổ phần phát triển đường cao tốc BIDV	-	-	2.250.000	22.500.000.000
- Công ty cổ phần phát triển đô thị và khu công nghiệp VSIP JSC	5.202.528	52.025.280.000	5.202.528	52.025.280.000
- Công ty cổ phần xây dựng giao thông thủy lợi	-	-	65.900	535.318.880

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV)	3.167.305	52.541.090.000	3.054.109	51.409.130.000
- Công ty cổ phần phát triển và công nghệ Becamex Tic	73.825	738.250.000	73.825	738.250.000
Cho vay dài hạn		-		21.000.000.000
- Cho Công ty cổ phần phát triển giáo dục Miền Đông vay với lãi suất 9%/năm		-		21.000.000.000
Khoản đầu tư dài hạn khác		25.287.500.000		28.508.854.166
- Công ty cổ phần đầu tư và kinh doanh bất động sản		9.000.000.000		9.000.000.000
- Công ty cổ phần bê tông ly tâm Thủ Đức 1	1.464.000	14.640.000.000	1.464.000	14.640.000.000
- Công ty cổ phần bóng đá chuyên nghiệp Việt Nam	-	-	30.000	300.000.000
- Công ty cổ phần nước Thủ Dầu Một		-		2.600.000.000
- Công ty cổ phần nước và môi trường An Điền		-		1.968.854.166
- Công ty cổ phần giao thông và thủy lợi Bình Dương	65.900	1.647.500.000	-	-
Cộng		130.592.120.000		176.716.833.046

Lý do tăng, giảm các khoản đầu tư dài hạn:

- Khoản đầu tư vào Công ty cổ phần phát triển đường cao tốc BIDV giảm do được hoàn trả toàn bộ vốn góp.
- Khoản đầu tư vào cổ phần xây dựng giao thông thủy lợi giảm do chuyển nhượng toàn bộ cổ phiếu với giá bán là 1.647.500.000 VND.
- Khoản đầu tư vào Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam tăng do nhận lãi cổ tức năm 2012 là 113.196 cổ phiếu với giá trị tăng thêm là 1.131.960.000 VND.
- Khoản đầu tư vào Công ty cổ phần bóng đá chuyên nghiệp Việt Nam giảm do được hoàn trả toàn bộ vốn góp.
- Khoản đầu tư vào Công ty cổ phần nước Thủ Dầu Một giảm do trong năm 2014 Tập đoàn đầu tư thêm và nắm giữ 26% vốn điều lệ của công ty này nên khoản đầu tư này được chuyển trình bày sang chỉ tiêu "Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh".
- Khoản đầu tư vào Công ty cổ phần nước và môi trường An Điền giảm do thanh lý. Khoản đầu tư này đã được dự phòng toàn bộ trong năm 2013.
- Trong năm, Tập đoàn đã mua 65.900 cổ phiếu của Công ty cổ phần xây dựng giao thông thủy lợi Bình Dương, tương đương 10,98% vốn điều lệ.



TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

20. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(2.209.974.536)	(3.317.188.613)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	(241.120.370)
Hoàn nhập dự phòng	2.177.256.282	1.348.334.447
Số cuối năm	(32.718.254)	(2.209.974.536)

21. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Phân bổ vào chi phí trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Tiền thuê đất	15.501.834.947	-	(472.070.548)	-	15.029.764.399
Công cụ dụng cụ	46.231.057.937	30.953.521.125	(41.319.134.384)	(84.354.514)	35.781.090.164
Chi phí sửa chữa	8.974.723.560	9.659.243.316	(4.228.046.294)	-	14.405.920.582
Chi phí thuê tài sản	152.118.080	4.100.300.587	(191.580.890)	-	4.060.837.777
Chi phí nâng cấp tài sản	407.329.929	-	(407.329.929)	-	-
Chi phí khác	19.536.772.248	30.561.209.793	(27.601.597.886)	(46.524.345)	22.449.859.810
Cộng	90.803.836.701	75.274.274.821	(74.219.759.931)	(130.878.859)	91.727.472.732

22. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	191.415.968.237	95.568.557.417
Số phát sinh	77.813.893.873	95.847.410.820
Số cuối năm	269.229.862.110	191.415.968.237

23. Tài sản dài hạn khác

Các khoản ký quỹ dài hạn.

24. Lợi thế thương mại

Nguyên giá

Số đầu năm	33.150.863.983
Số cuối năm	33.150.863.983

Số đã phân bổ

Số đầu năm	15.981.654.857
Phân bổ trong năm	3.609.642.395
Số cuối năm	19.591.297.252

Giá trị còn lại

Số đầu năm	17.169.209.126
Số cuối năm	13.559.566.731

25. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	4.433.172.682.081	4.763.756.380.416
- Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam ⁽¹⁾	3.166.675.611.706	2.942.726.477.288



TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam ⁽ⁱⁱ⁾	395.451.223.098	708.117.397.070
- Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương ⁽ⁱⁱⁱ⁾	200.000.000.000	200.000.000.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần hàng hải Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương ^(iv)	303.828.411.433	699.900.894.658
- Ngân hàng liên doanh VID Public – Chi nhánh Bình Dương ^(v)	43.559.216.300	30.296.820.682
- Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương ^(vi)	181.812.990.548	182.714.790.718
- Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Nam A ^(vii)	141.845.228.996	-
Vay ngắn hạn các tổ chức khác và cá nhân	363.778.241.591	269.290.916.000
Quỹ đầu tư phát triển Bình Dương ^(viii)	229.591.808.591	180.000.000.000
Công ty cổ phần nước Thủ Dầu Một ^(ix)	80.000.000.000	-
Vay các cá nhân ^(x)	54.186.433.000	89.290.916.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.35)	427.418.158.812	375.205.016.824
Trái phiếu phát hành đến hạn ^(xi)	1.500.000.000.000	2.000.000.000.000
Cộng	6.724.369.082.484	7.408.252.313.240

- (i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương để bổ sung vốn kinh doanh, bổ sung tài chính thiếu hụt tạm thời thanh toán hoàn vốn ngân sách hỗ trợ trong năm tài chính và thanh toán tiền hàng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định hữu hình; Quyền kinh doanh và khai thác các dự án khu Công nghiệp; Quyền quản lý khai thác các hệ thống cấp nước sạch, các nhà máy sản xuất nước; Quyền sử dụng đất thuê dài hạn, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; Nguồn thu tiền nước của Khu công nghiệp VSIP I, II và các khoản thu theo các dự án cấp nước trong các Khu công nghiệp; Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn của các Công ty trong Tập đoàn.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam để bổ sung vốn lưu động; bổ sung vốn cho hoạt động cấp nước sạch, thu gom xử lý rác thải, nước thải, dịch vụ thi công xây lắp đường ống và dịch vụ khác. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn; Quyền sử dụng đất; Hàng hoá và các khoản phải thu của các công ty trong Tập đoàn.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương để tái đầu tư dự án khu liên hợp. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng 102.394,9 m² đất của Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp – TNHH một thành viên tại xã Định Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 721611 ngày 07 tháng 7 năm 2009.
- (iv) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần hàng hải Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương để bổ sung vốn lưu động thanh toán tiền hàng, chi phí đầu tư kinh doanh và các chi phí khác phù hợp với ngành nghề kinh doanh của bên vay được pháp luật cho phép với lãi suất được quy định cụ thể trong từng khế ước nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các tài sản và quyền sử dụng đất thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (v) Khoản vay Ngân hàng liên doanh VID Public – Chi nhánh Bình Dương để thanh toán tiền hàng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các tài sản thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn.
- (vi) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương để bổ sung nguồn vốn kinh doanh, thanh toán tiền hàng, nhân công. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp phương tiện vận tải và tài sản gắn liền với đất gồm: nhà xưởng, nhà văn phòng, nhà ăn, nhà xe công nhân, nhà vệ sinh công nhân, nhà bảo vệ, hệ thống điện, phòng cháy chữa cháy, kết cấu thủy đài và các công trình xây dựng phụ gắn liền.
- (vii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Nam Á để phát hành bảo lãnh và cho vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các tài sản:
- Quyền sử dụng đất số BI 645760 cấp ngày 28 tháng 3 năm 2012 với tổng diện tích 6.698,9 m² tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương;
 - Quyền sử dụng đất số AN 721582 ngày 07 tháng 7 năm 2009 với tổng diện tích 53.895,1 m² tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương;
 - Quyền sử dụng đất số BI 645779 ngày 28 tháng 3 năm 2012 với tổng diện tích 20.031,8 m² tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.
- (viii) Khoản vay Quỹ đầu tư và phát triển Bình Dương để đầu tư các công trình, hạng mục tuyến ống cấp nước theo kế hoạch đầu tư năm 2014 và năm 2015. Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền thu cổ tức hàng năm của các công ty con, công ty liên doanh liên kết; Nguồn thu từ hoạt động kinh doanh nước, rác và các khoản thu khác từ nguồn thu tiền sử dụng nước của Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore (VSIP) trong năm 2014 và năm 2015.
- (ix) Khoản vay Công ty cổ phần nước Thủ Dầu Một để phục vụ nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ giá trị vốn góp cổ phần và cổ tức được hưởng từ Công ty cổ phần nước Thủ Dầu Một.
- (x) Các khoản huy động vốn của các cá nhân với lãi suất từ 0,75%/tháng đến 1%/tháng.
- (xi) Bao gồm trái phiếu đến hạn trả của:
- Trái phiếu phát hành cho Ngân hàng thương mại cổ phần dầu khí Toàn Cầu nay chuyển cho Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam để huy động vốn trung dài hạn để thực hiện dự án “Khu đô thị mới thuộc Khu liên hợp công nghiệp – dịch vụ - đô thị Bình Dương”:
 - Đợt 1: Trái phiếu phát hành là trái phiếu có bảo đảm với các điều khoản và điều kiện: Tổng mệnh giá phát hành 2.000 tỷ VND, trái phiếu được phát hành dưới hình thức ghi danh có mệnh giá 1 tỷ VND/trái phiếu, giá phát hành bằng 100% mệnh giá, thời hạn 05 năm kể từ ngày phát hành là ngày 28 tháng 6 năm 2010. Ngày thanh toán lãi là ngày 28 tháng 6 và ngày 28 tháng 12 hàng năm, kỳ tính lãi đầu tiên là ngày 28 tháng 12 năm 2010. Lãi suất 14,5%/năm cho kỳ đầu tiên, các kỳ tiếp theo lãi suất được tính bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau cộng lãi biên 3,5%/năm.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Đợt 2: Trái phiếu phát hành là trái phiếu có bảo đảm với các điều khoản và điều kiện: Tổng mệnh giá phát hành 1.000 tỷ VND, trái phiếu được phát hành dưới hình thức ghi danh có mệnh giá 1 tỷ VND/trái phiếu, giá phát hành bằng 100% mệnh giá, thời hạn 05 năm kể từ ngày phát hành là ngày 28 tháng 12 năm 2010. Ngày thanh toán lãi là ngày 28 tháng 6 và ngày 28 tháng 12 hàng năm, kỳ tính lãi đầu tiên là ngày 28 tháng 6 năm 2011. Lãi suất 15,625%/năm cho kỳ đầu tiên, các kỳ tiếp theo lãi suất được tính bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau cộng lãi biên 3,5%/năm.

Tài sản đảm bảo (cho cả đợt 1 và đợt 2): Giá trị quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản hình thành trên đất của Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp – TNHH một thành viên trên diện tích 435.912,4 m² đất thuộc dự án Khu liên hợp công nghiệp - dịch vụ - đô thị Bình Dương bao gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP927770 với diện tích 169.167,1 m²; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 721591 với diện tích 111.104 m²; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN721657 với diện tích 86.452,1 m² và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN721595 với diện tích 69.189,2 m².

- Trái phiếu phát hành để huy động vốn triển khai các dự án đầu tư: Dự án Becamex City Center; Dự án Khu biệt thự Sunflower; Dự án Khu dân cư Green River; Dự án cao cấp IJC Aroma.
 - Ngày phát hành : ngày 01 tháng 6 năm 2010 và ngày 27 tháng 12 năm 2010.
 - Ngày đáo hạn : ngày 01 tháng 6 năm 2015 và ngày 27 tháng 12 năm 2015.
 - Kỳ thanh toán lãi : 6 tháng/lần.
 - Lãi suất: kỳ tính lãi đầu tiên: 14,5%/năm; các kỳ tiếp theo: lãi suất bình quân của lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả sau của 1 trong 4 ngân hàng sau: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn, Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam và Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam cộng lãi biên 03%/năm.
 - Hình thức đảm bảo: khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản thuộc sở hữu của Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên bao gồm giá trị quyền sử dụng đất, toàn bộ tài sản/quyền lợi hình thành có được từ dự án trên đất tại xã Đình Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, thửa đất số 282.175 (O3-2), diện tích 102.733,9 m².

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Tăng khác	Số kết chuyển	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	4.763.756.380.416	7.168.830.958.335	-	-	(7.499.414.656.670)	4.433.172.682.081
Vay ngắn hạn các tổ chức khác và cá nhân	269.290.916.000	448.203.249.318	20.000.000.000	-	(373.715.923.727)	363.778.241.591
Vay dài hạn đến hạn trả	375.205.016.824	-	(311.400.987)	425.027.463.655	(372.502.920.680)	427.418.158.812
Trái phiếu phát hành đến hạn trả	2.000.000.000.000	-	-	1.500.000.000.000	(2.000.000.000.000)	1.500.000.000.000
Cộng	7.408.252.313.240	7.617.034.207.653	19.688.599.013	1.925.027.463.655	(10.245.633.501.077)	6.724.369.082.484

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**26. Phải trả cho người bán**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	1.664.794.176.008	107.716.551.077
Phải trả các nhà cung cấp khác	1.050.402.929.411	981.897.038.998
Cộng	2.715.197.105.419	1.089.613.590.075

27. Người mua trả tiền trước

Khoản ứng trước của các khách hàng không phải các bên liên quan của Tập đoàn.

28. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Tăng/giảm khác (phải nộp thêm/hoàn thuế)	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	28.202.493.471	260.836.698.088	-	(122.497.863.675)	166.541.327.884
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	11.733.297.318	-	(11.733.297.318)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	16.153.883.358	-	(16.153.883.358)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	170.428.112.490	128.353.632.424	12.208.372.276	(282.527.062.336)	28.463.054.854
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	843.390.115	2.408.388.126	-	(5.678.471.496)	(2.426.693.255)
Thuế thu nhập cá nhân	10.471.797.616	29.740.630.085	(7.813.484)	(36.800.381.160)	3.404.233.057
Tiền thuế đất	(1.939.284.501)	16.427.682.587	-	(24.560.877.300)	(10.072.479.214)
Thuế tài nguyên	(5.920.390.282)	5.323.891.954	24.574.060	(4.033.468.666)	(4.605.392.934)
Các loại thuế khác	29.133.261.874	26.428.914.634	(22.988.548.256)	(22.881.417.460)	9.692.210.792
Lợi nhuận nộp ngân sách Nhà nước	205.051.130.939	350.921.217.583	(5.373.825.277)	(733.379.157.940)	(177.406.809.418)
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác ⁽ⁱ⁾	50.921.910.656	14.697.298.633	2.728.170.440	(54.221.751.033)	8.751.803.419
Cộng	487.192.422.378	863.025.534.790	(13.409.070.241)	(1.314.467.631.743)	22.341.255.185

- (i) Trong đó, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp trong năm 2014 là 2.496.995.424 VND và trước ngày 31 tháng 3 năm 2015 là 2.497.035.848 VND.

Thuế nộp thừa được trình bày ở chi tiêu “Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước” với số tiền là 243.537.288.670 VND (số đầu năm là 13.228.888.578 VND).

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- | | |
|---|-----------------|
| - Hoạt động chuyển nhượng quyền sử dụng đất, xử lý nước thải, bán mũ cao su thô, khám chữa bệnh | Không chịu thuế |
| - Dịch vụ cung cấp nước sạch sinh hoạt, hoạt động bán thuốc | 5% |
| - Các hoạt động khác | 10% |

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2013, thuế suất thuế giá trị gia tăng đối với bán, cho thuê nhà ở xã hội là 5%. Ngoài ra, Tập đoàn còn được giảm 50% mức thuế suất thuế giá trị gia tăng từ ngày 01 tháng 7 năm 2013 đối với bán, cho thuê nhà ở thương mại có diện tích sàn dưới 70 m² và có giá bán dưới 15 triệu VND/m².

Thuế xuất, nhập khẩu

Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tập đoàn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

- Thu nhập từ bán, cho thuê nhà ở xã hội của Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp – TNHH một thành viên nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 10% cho thu nhập phát sinh từ ngày 01 tháng 7 năm 2013.
- Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp cho hoạt động thu phí tuyến Quốc lộ 13 – tỉnh Bình Dương trong 04 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 09 năm tiếp theo theo hợp đồng B.O.T đã ký giữa Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương và Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp (nay là Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên) và Công văn số 8900/CT-KTr1 ngày 07 tháng 11 năm 2008 của Cục thuế tỉnh Bình Dương. Như vậy:
 - Đối với Dự án I từ Km1+248 đến Km28+178 dài 27,197 km từ gần cầu Vĩnh Bình huyện Thuận An đến Ngã ba Đài Hoa Sen - Khu công nghiệp Tân Định, Bến Cát: có thu nhập chịu thuế từ năm 2002 và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 là năm thứ 9 Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật được hưởng ưu đãi giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.
 - Đối với Dự án II từ Km28+000 đến Km65+355 dài 37,584 km từ Đài vệ tỉnh Tân Định, Bến Cát đến Cầu Tham Rót giáp ranh tỉnh Bình Phước: Công ty có thu nhập chịu thuế từ năm 2008 và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 là năm thứ 3 Công ty được hưởng ưu đãi giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.
- Công ty cổ phần bê tông Becamex có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 15% trên thu nhập chịu thuế trong 12 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông trên thu nhập chịu thuế cho thời gian còn lại đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất bê tông nhựa nóng các loại; công bê tông cốt thép các loại; bê tông xi măng các loại; thi công, xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, công trình giao thông, công trình công cộng, công trình hạ tầng kỹ thuật. Công ty cổ phần bê tông Becamex được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 7 năm tiếp theo. Năm 2008, là năm đầu tiên Công ty cổ phần bê tông Becamex hoạt động kinh doanh có lãi nhưng do thời gian hoạt động sản xuất, kinh doanh dưới 12 tháng nên Công ty cổ phần bê tông Becamex đăng ký với cơ quan thuế tính thời gian miễn, giảm thuế từ năm 2009.
- Công ty cổ phần phát triển đô thị được miễn thuế 3 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 05 năm tiếp theo cho phần thu nhập tăng thêm đối với dự án nhà máy sản xuất bê tông trong Khu công nghiệp Mỹ Phước. Năm 2009 là năm đầu tiên Công ty cổ phần phát triển đô thị được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp theo Công văn số 3599/CT-Ktr1 ngày 03 tháng 4 năm 2009 của Cục thuế Bình Dương.
- Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước được nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 10% trên thu nhập chịu thuế đối với hoạt động khám chữa bệnh theo Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp. Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 5 năm tiếp theo.



TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Công ty cổ phần được Becamex được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 6 năm tiếp theo đối hoạt động sản xuất và kinh doanh được phẩm và vật tư y tế. Năm tài chính 2008 là năm đầu tiên Công ty cổ phần được Becamex hoạt động kinh doanh có lãi. Năm 2014 là năm thứ 5 Công ty cổ phần được Becamex được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Trường Đại học Quốc tế Miền Đông nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động giáo dục đào tạo với thuế suất thuế 10% trong 50 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn thuế trong 4 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 5 năm tiếp theo theo Giấy chứng nhận đầu tư số 46121000047 ngày 29 tháng 7 năm 2009 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp. Trường hợp không có thu nhập chịu thuế trong 3 năm đầu, kể từ năm đầu tiên có doanh thu thì thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính từ năm thứ 4.
- Công ty TNHH một thành viên cấp thoát nước môi trường Bình Dương nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 10% cho thu nhập từ hoạt động xã hội hóa.
- Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang – Becamex nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất ưu đãi là 15% trong 12 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh và áp dụng thuế suất phổ thông cho các năm còn lại đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất. Ngoài ra, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong 07 năm tiếp theo.
- Công ty cổ phần đá ốp lát An Bình nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20% do có tổng doanh thu năm không quá 20 tỷ VND theo hướng dẫn tại Thông tư số 141/2013/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Bộ Tài chính.
- Thu nhập khác của Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp – TNHH Một thành viên, Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật, Công ty cổ phần bê tông Becamex, Công ty cổ phần phát triển đô thị, Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước, Công ty cổ phần được Becamex, Trường Đại học Quốc tế Miền Đông, Công ty TNHH một thành viên cấp thoát nước môi trường Bình Dương, Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang – Becamex và thu nhập của các công ty khác trong Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22% (năm trước thuế suất là 25%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm của các công ty trong Tập đoàn	155.620.711.743
- Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	(15.049.645.705)
- Chênh lệch thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất khác thuế suất phổ thông	(11.685.298.082)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	128.885.767.956
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản được ghi nhận doanh thu trong năm	(737.135.532)
- Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	205.000.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	128.353.632.424

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông sẽ giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản

Các công ty trong Tập đoàn phải tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 01% trên số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản theo qui định tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính và sẽ được quyết toán lại số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho hoạt động này khi bàn giao bất động sản.

Thuế nhà đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Thuế tài nguyên

Các công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác. Thuế suất và đơn giá tính thuế tài nguyên như sau:

	<u>Thuế suất</u>	<u>Đơn giá /m³</u>
- Khai thác đá, sỏi	7%	110.000 VND
- Khai thác đất	4%	15.000 VND

Các loại thuế khác và các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo qui định.

29. Phải trả người lao động

Tiền lương, thưởng và tiền phép năm còn phải trả cho nhân viên.

30. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trích trước giá vốn các dự án, công trình	10.427.288.583.496	9.041.934.859.641
Chi phí lãi vay phải trả	403.887.326.611	47.172.367.769
Chi phí tiếp thị, môi giới	4.244.750.849	4.938.312.506
Các khoản khác	26.992.781.417	39.203.692.645
Cộng	10.862.413.442.373	9.133.249.232.561

31. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền bảo đảm hợp đồng của đội xe ben	11.897.218.224	686.124.418
Khoản các khách hàng ứng trước để sang nhượng căn hộ thuộc dự án Becamex Center	-	3.981.513.500
Nhận ký quỹ	29.982.852.339	36.427.481.715
Tiền bảo dưỡng, bảo trì, bảo hành phải trả	1.940.659.072	10.407.840.454
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	4.781.115.100	4.928.037.371
Tiền thanh lý hợp đồng các dự án chưa chỉ cho khách hàng	27.124.671.144	24.831.684.749
Tài sản thừa chờ giải quyết, xử lý	34.854.203.628	34.559.790.191
Thuế thu nhập cá nhân phải nộp bổ sung, tạm thu chưa nộp	1.174.765.191	2.338.674.302
Thù lao Hội đồng quản trị	682.000.000	480.000.000
Tiền hoa hồng, trúng thưởng, khuyến mãi	148.867.703	135.050.763
Các khoản khác	77.385.502.108	63.474.327.494
Cộng	189.971.854.509	187.770.757.616

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

32. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng phải trả ngắn hạn liên quan đến chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây dựng. Chi tiết phát sinh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	12.670.907.077	15.958.176.887
Tăng do trích lập	5.642.813.401	12.688.045.937
Tăng khác	1.219.092.124	63.644.427
Số đã sử dụng	(2.211.542.453)	(2.029.505.838)
Số hoàn nhập	(8.750.989.362)	(12.284.372.237)
Chuyển sang dự phòng phải trả dài hạn	-	(1.582.676.539)
Giảm do thanh lý hợp đồng	-	(142.405.560)
Số cuối năm	8.570.280.787	12.670.907.077

33. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm		Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng/(Giảm) khác	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm	
	Chi vượt	Tồn quỹ				Chi vượt	Tồn quỹ
Quỹ khen thưởng	(1.211.717.476)	257.688.066.715	60.395.604.643	1.226.465.066	(180.879.152.606)	(2.535.704.593)	141.253.850.286
Quỹ phúc lợi	-	4.070.856.019	5.395.834.890	64.255.602	(4.948.252.071)	(1.618.333.658)	4.702.148.747
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	-	2.222.280.417	1.960.636.743	426.507.981	(3.693.345.162)	-	916.079.979
Cộng	(1.211.717.476)	263.981.203.151	67.752.076.276	1.717.228.649	(189.520.749.839)	(4.154.038.251)	146.872.079.012

Quỹ khen thưởng, phúc lợi chi vượt được trình bày ở chỉ tiêu “Các khoản phải thu khác” (xem thuyết minh số V.6).

34. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguồn vốn nước ngoài tài trợ cho các BQL dự án	1.769.885.156.248	1.540.871.119.788
Phải trả vốn đầu tư rừng của hộ nhận khoán	1.834.348.253	-
Vốn vay nước ngoài đã nhận tiền nhưng chưa có khế ước nợ	228.038.180.910	77.658.317.769
Phải trả tiền vay vốn không tính lãi	6.321.950.000	6.721.950.000
Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp	1.248.497.712	-
Nhận ký quỹ dài hạn	8.827.228.698	8.823.224.205
Công nợ BQL dự án chờ bàn giao	-	223.462.786.290
Phải trả tiền nhận góp vốn kinh doanh	1.541.804.864	-
Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	742.572.250	-
Tiền nhận vốn ủy thác đầu tư	84.000.000.000	-
Các khoản phải trả phải nộp khác	273.112.347.569	895.447.021
Cộng	2.375.552.086.504	1.858.432.845.073

35. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng	2.643.866.171.846	1.912.217.777.043
- Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam ⁽¹⁾	477.359.421.987	282.142.873.399

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương ⁽ⁱⁱ⁾	92.432.432.435	111.891.891.895
- Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam ⁽ⁱⁱⁱ⁾	711.994.983.241	647.897.577.135
- Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương ^(iv)	252.200.000.000	217.000.000.000
- Ngân hàng liên doanh VID Public – Chi nhánh Bình Dương ^(v)	-	3.548.000.000
- Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương ^(vi)	11.808.256.000	11.808.256.000
- Ngân hàng phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương ^(vii)	685.994.378.183	637.929.178.614
- Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội – Chi nhánh Bình Dương ^(viii)	326.700.000	-
- Ngân hàng thương mại cổ phần Bản Việt – Chi nhánh Bình Dương ^(ix)	120.000.000.000	-
- Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Nam Á – Chi nhánh Bình Dương ^(x)	291.750.000.000	-
Vay dài hạn các tổ chức khác và cá nhân	104.915.954.432	139.605.982.432
- Quỹ đầu tư phát triển Bình Dương ^(xi)	99.368.000.000	131.268.000.000
- Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam ^(xii)	5.547.954.432	8.337.982.432
Trái phiếu có bảo đảm ^(xiii)	8.600.000.000.000	7.000.000.000.000
Cộng	11.348.782.126.278	9.051.823.759.475

(i) Bao gồm các khoản vay:

- Khoản vay Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương để thanh toán các chi phí thực hiện dự án đầu tư mở rộng bệnh viện đa khoa Mỹ Phước. Số tiền vay được hoàn trả hàng quý, thanh toán lần đầu vào ngày 25 tháng 02 năm 2017. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất, toàn bộ tài sản gắn liền với đất hình thành từ dự án trong tương lai và một số máy móc thiết bị y tế thuộc dự án.
- Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương để đầu tư xây dựng dự án khu phố thương mại Uni-Town (giai đoạn 1). Khoản vay này được đảm bảo bằng 07 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương trị giá 556.668.000.000 VND.
- Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Mỹ Phước để mua sắm xe ô tô tải phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

(ii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương theo Hợp đồng tín dụng số 1800-LAV-2010/00206 ngày 14 tháng 6 năm 2010, thời hạn 10 năm để xây dựng công trình giao thông Khu liên hợp - dịch vụ - đô thị Bình Dương. Khoản vay được đảm bảo bằng quyền sử dụng 102.394,9 m² đất của Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp – TNHH một thành viên tại xã Định Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 721611 ngày 07 tháng 7 năm 2009 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 64/EIB-BD/TD-TC/10 ngày 14 tháng 6 năm 2010. Gốc vay được trả hàng quý với số tiền là 4.864.864.860 VND, kỳ đầu tiên vào ngày 15 tháng 7 năm 2011.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(iii) Bao gồm các khoản vay:

- Khoản vay để đầu tư cổ phiếu của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai. Khoản vay này được đảm bảo bằng cổ phiếu hình thành trong tương lai từ nguồn vốn vay.
- Khoản vay để thanh toán tiền cải tạo (rải nhựa, nâng cấp, sửa chữa,...) mua sắm các trang thiết bị, thanh toán chi phí bố trí lại trạm thu phí nút giao thông Phú Long, thị xã Thuận An và các chi phí khác trên tuyến Quốc lộ 13. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp giá trị quyền sử dụng đất tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương với diện tích 11.552 m² theo hợp đồng thế chấp số 155TT14 ngày 25 tháng 12 năm 2014.
- Khoản vay để mua Nhà máy sản xuất bê tông Sóng Thần 3 và Mỹ Phước 1. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định hữu hình và vô hình.
- Khoản vay không có tài sản đảm bảo để xây dựng dự án nhà máy sản xuất của nhựa lõi thép, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn 12 tháng. Số tiền vay được hoàn trả khi kết thúc hợp đồng vay.
- Khoản vay để thực hiện dự án đầu tư nâng công suất sản xuất gạch đất sét và nâng công suất khai thác đất sét. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành trong tương lai gồm nhà xưởng, văn phòng, công trình xây dựng phụ gắn liền thuộc khuôn viên nhà máy và dây chuyền máy móc thiết bị sản xuất gạch, phương tiện vận tải, xe máy chuyên dùng và quyền khai thác tài nguyên (sét gạch ngói) với diện tích 17,2 ha.
- Khoản vay theo dự án đầu tư phát triển số 040D13 ngày 27 tháng 9 năm 2013 với số tiền 600 tỷ VND để bù đắp phần chi phí đền bù giải tỏa Khu công nghiệp Bàu Bàng và thanh toán các chi phí đầu tư thi công cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Bàu Bàng. Khoản vay này được đảm bảo bằng Quyền sử dụng đất tổng diện tích 1.529.292 m² và toàn bộ quyền kinh doanh và khai thác Khu công nghiệp Bàu Bàng.

(iv) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương để đầu tư cổ phiếu của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai và để thực hiện Dự án đường Mỹ Phước - Tân Vạn. Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền tài sản Dự án xây dựng đường Mỹ Phước - Tân Vạn.

(v) Khoản vay Ngân hàng liên doanh VID Public – Chi nhánh Bình Dương để mua sắm tài sản cố định. Khoản vay này được đảm bảo bằng 01 xe bơm bê tông nhãn hiệu Hyundai thuộc quyền sở hữu của Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương.

(vi) Khoản vay Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Bến Cát theo Hợp đồng vay số CSBD/2012-TH/HĐTD ngày 06 tháng 8 năm 2012 để xây dựng nhà máy chế biến mùn cao su. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản theo hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền trên đất số 57/HĐTC/09-BS-2012 của Công ty TNHH một thành viên cao su Bình Dương.

(vii) Khoản vay của Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương theo các hợp đồng tín dụng ký từ năm 2006 đến năm 2013, để thực hiện các dự án “Đầu tư xây dựng nhà máy nước Tân Hiệp”, “Xây dựng Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nam Bình Dương”, “Dự án cấp nước Khu đô thị và công nghiệp Mỹ Phước”, “Dự án cấp nước Nam Thủ Dầu Một mở rộng – công suất 45.000 m³/ngày đêm”, “Dự án Nhà máy nước Dĩ An công suất 30.000 m³/ngày đêm”, “Dự án cấp nước và vệ sinh các thị xã, thị trấn lần 3”. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản hình thành trong tương lai từ nguồn vốn vay.

(viii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội – Chi nhánh Bình Dương để mua sắm tài sản cố định, thời hạn vay 48 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định hữu hình.



TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (ix) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Bản Việt – Chi nhánh Bình Dương để tài trợ lại một phần vốn đã đầu tư vào dự án Đông Đô Đại Phố. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương với diện tích 23.995 m².
- (x) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Nam Á – Chi nhánh Bình Dương để tài trợ lại một phần vốn đã đầu tư vào dự án Prince Town và để bù đắp chi phí thực hiện dự án “Đường vào Trung tâm chính trị - hành chính tập trung tỉnh Bình Dương”. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp giá trị quyền sử dụng đất tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương với diện tích 24.543m²; Quyền sử dụng đất tại xã Thới Hòa, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương với diện tích 22.388,4m²; Quyền sử dụng đất số BI 645760 cấp ngày 28 tháng 3 năm 2012 với tổng diện tích 6.698,9 m² tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương; Quyền sử dụng đất số AN 721582 ngày 07 tháng 7 năm 2009 với tổng diện tích 53.895,1 m² tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương; Quyền sử dụng đất số BI 645779 ngày 28 tháng 3 năm 2012 với tổng diện tích 20.031,8 m² tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.
- (xi) Bao gồm các khoản vay:
- Hợp đồng tín dụng ký năm 2009 và 2012 để thanh toán tiền mua ống gang xây dựng mạng lưới chuyển tải thuộc “Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy nước Tân Hiệp”, xây dựng mạng lưới cấp nước trạm 2 thuộc “Dự án Đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước khu 2, 3A Mỹ Phước III”, mua vật tư thiết bị và xây dựng tuyến ống cấp nước thuộc “Dự án Đầu tư tuyến ống cấp nước Khu công nghiệp An Tây - Bến Cát - Bình Dương, công suất 12.000 m³/ngày đêm”. Khoản vay được bảo đảm bằng toàn bộ tài sản hình thành trong tương lai từ nguồn vốn vay;
 - Hợp đồng số 06/2007/HĐTD ngày 23 tháng 5 năm 2007 với lãi suất 0,3%/tháng, thời hạn 99 tháng kể từ ngày nhận khoản giải ngân đầu tiên (thời gian ân hạn 15 tháng) để đầu tư xây dựng các hạng mục của dự án “Đầu tư khu cư xá công nhân Mỹ Phước”. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay là “Khu cư xá công nhân Mỹ Phước”;
 - Hợp đồng số 12/2010/HĐTD ngày 14 tháng 12 năm 2010 với lãi suất 09%/năm, thời hạn 15 năm kể từ ngày nhận khoản giải ngân đầu tiên (thời gian ân hạn 04 năm) để đầu tư xây dựng các hạng mục của dự án “Đầu tư đường Mỹ Phước - Tân Vạn”. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay là “Quyền quản lý & thu phí giao thông đường Mỹ Phước Tân Vạn”.
- (xii) Khoản vay của Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam theo các hợp đồng tín dụng ký năm 2010 và 2013 để thực hiện dự án “Đầu tư xây dựng Lò đốt rác công nghiệp, công suất 4 tấn/giờ trong Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nam Bình Dương” và đầu tư xây dựng các hạng mục hỗ trợ “Nâng công suất Nhà máy xử lý chất thải rắn Nam Bình Dương - công suất tăng thêm 420 tấn/ngày”. Khoản vay được bảo đảm bằng bảo lãnh của Ngân hàng, Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AN781940 (số vào sổ cấp GCN: T00634/CN-2009) của Công ty do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp ngày 27 tháng 5 năm 2009 và tài sản hình thành sau đầu tư từ vốn vay.
- (xiii) Trái phiếu phát hành bao gồm:
- Trái phiếu phát hành để thanh toán tiền mua đất khu Phú Chánh C, D cho Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp – TNHH một thành viên.
 - Ngày phát hành : ngày 27 tháng 12 năm 2014
 - Ngày đáo hạn : ngày 27 tháng 12 năm 2019
 - Kỳ hạn trái phiếu : 5 năm
 - Kỳ trả lãi : 6 tháng/lần

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Lãi suất : Năm đầu tiên: 12%/năm. Từ kỳ thứ ba trở đi lãi suất trái phiếu được xác định theo nguyên tắc bằng tổng của lãi suất tham chiếu được xác định bằng trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng VND trả lãi sau, kỳ hạn 12 tháng của 04 ngân hàng gồm Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam và Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam tại ngày xác định lãi suất cộng biên độ 4,0%/năm.
- Tài sản bảo đảm : 16 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có tổng diện tích 119.296,1 m² quy hoạch xây dựng khu nhà liên kế, nhà phố thuộc dự án Khu dân cư Hòa Lợi nằm trong Khu liên hợp công nghiệp – dịch vụ đô thị Bình Dương, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương thuộc sở hữu của Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp – TNHH một thành viên.
- Trái phiếu phát hành để huy động vốn triển khai các dự án đầu tư: Dự án Becamex City Center; Dự án Khu biệt thự Sunflower; Dự án Khu dân cư Green River; Dự án cao cấp IJC Aroma.
 - Ngày phát hành : ngày 01 tháng 6 năm 2010 và ngày 27 tháng 12 năm 2010.
 - Ngày đáo hạn : ngày 01 tháng 6 năm 2015 và ngày 27 tháng 12 năm 2015.
 - Năm thanh toán lãi : 6 tháng/lần.
 - Lãi suất : Kỳ tính lãi đầu tiên: 14,5%/năm; các kỳ tiếp theo: lãi suất bình quân của lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả sau của 1 trong 4 ngân hàng sau: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam, Ngân hàng hương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam và Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam cộng lãi biên 3%/năm.
 - Hình thức đảm bảo : Thế chấp tài sản thuộc sở hữu của Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên bao gồm giá trị quyền sử dụng đất, toàn bộ tài sản/quyền lợi hình thành có được từ dự án trên đất tại xã Định Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, thửa đất số 282.175 (O3-2), diện tích 102.733,9 m².
- Trái phiếu phát hành để huy động vốn triển khai dự án đầu tư Sunflower mở rộng và tăng quy mô vốn kinh doanh.
 - Ngày phát hành : ngày 25 tháng 9 năm 2014.
 - Ngày đáo hạn : ngày 25 tháng 9 năm 2019.
 - Năm thanh toán lãi : 6 tháng/lần.
 - Lãi suất : Kỳ tính lãi đầu tiên và kỳ thứ hai: 12,2%/năm; các kỳ tiếp theo: lãi suất bình quân của lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả sau của 1 trong 4 ngân hàng sau: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam, Ngân hàng hương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam và Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam cộng lãi biên 4%/năm.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Hình thức đảm bảo : Thế chấp quyền quản lý và thu phí giao thông Dự án đầu tư BOT: “Nâng cấp và mở rộng quốc lộ 13-tỉnh Bình Dương-từ km1+248 đến km 28+178-dài 27,297 km”; quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất diện tích 45.182 m² tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.
- Trái phiếu phát hành để huy động vốn triển khai dự án đầu tư Prince Town mở rộng.
 - Ngày phát hành : ngày 31 tháng 10 năm 2014.
 - Ngày đáo hạn : ngày 31 tháng 10 năm 2019.
 - Năm thanh toán lãi : 6 tháng/lần.
 - Lãi suất : Kỳ tính lãi đầu tiên và kỳ thứ hai: 12,2%/năm; các kỳ tiếp theo: lãi suất bình quân của lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả sau của 1 trong 4 ngân hàng sau: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam, Ngân hàng hương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam và Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam cộng lãi biên 4%/năm.
 - Hình thức đảm bảo : Thế chấp quyền quản lý và thu phí giao thông Dự án đầu tư BOT: “Nâng cấp và mở rộng quốc lộ 13-tỉnh Bình Dương - từ km28+000 đến km 65+355 dài 37.584 m”; quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất diện tích 9.714 m² tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương thuộc quyền sở hữu của Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên.
- Trái phiếu phát hành cho Ngân hàng thương mại cổ phần dầu khí Toàn Cầu nay chuyển cho Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam để huy động vốn trung dài hạn để thực hiện dự án “Khu đô thị mới thuộc Khu liên hợp công nghiệp – dịch vụ - đô thị Bình Dương”:
 - Đợt 1: Trái phiếu phát hành là trái phiếu có bảo đảm với các điều khoản và điều kiện: Tổng mệnh giá phát hành 2.000 tỷ VND, trái phiếu được phát hành dưới hình thức ghi danh có mệnh giá 1 tỷ VND/trái phiếu, giá phát hành bằng 100% mệnh giá, thời hạn 05 năm kể từ ngày phát hành là ngày 28 tháng 6 năm 2010. Ngày thanh toán lãi là ngày 28 tháng 6 và ngày 28 tháng 12 hàng năm, kỳ tính lãi đầu tiên là ngày 28 tháng 12 năm 2010. Lãi suất 14,5%/năm cho kỳ đầu tiên, các kỳ tiếp theo lãi suất được tính bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau cộng lãi biên 3,5%/năm.
 - Đợt 2: Trái phiếu phát hành là trái phiếu có bảo đảm với các điều khoản và điều kiện: Tổng mệnh giá phát hành 1.000 tỷ VND, trái phiếu được phát hành dưới hình thức ghi danh có mệnh giá 1 tỷ VND/trái phiếu, giá phát hành bằng 100% mệnh giá, thời hạn 5 năm kể từ ngày phát hành là ngày 28 tháng 12 năm 2010. Ngày thanh toán lãi là ngày 28 tháng 6 và ngày 28 tháng 12 hàng năm, kỳ tính lãi đầu tiên là ngày 28 tháng 6 năm 2011. Lãi suất 15,625%/năm cho kỳ đầu tiên, các kỳ tiếp theo lãi suất được tính bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau cộng lãi biên 3,5%/năm.
 - Tài sản đảm bảo (cho cả đợt 1 và đợt 2): Giá trị quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản hình thành trên đất của Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp – TNHH một thành viên trên diện tích 435.912,4 m² đất thuộc dự án Khu liên hợp công nghiệp - dịch vụ - đô thị Bình Dương bao gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP927770 với diện tích 169.167,1 m²; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 721591 với diện tích 111.104 m²; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN721657 với diện tích 86.452,1 m² và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN721595 với diện tích 69.189,2 m².

915
TY
HUU
TU
C
10 CV

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- 

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Trái phiếu phát hành cho Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai:
 - Trái phiếu phát hành là trái phiếu có bảo đảm với các điều khoản và điều kiện: Tổng mệnh giá phát hành 2.000 tỷ VND, trái phiếu được phát hành dưới hình thức ghi danh có mệnh giá 1 tỷ VND/trái phiếu, giá phát hành bằng 100% mệnh giá, thời hạn 5 năm kể từ ngày phát hành là ngày 30 tháng 12 năm 2013. Ngày thanh toán lãi là ngày 02/01 và 01/07 hàng năm. Lãi suất 13,5%/năm cho năm đầu tiên, các năm sau lãi suất được tính bằng lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm bằng Đồng Việt Nam kỳ hạn 12 tháng trả sau của Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai cộng (+) biên độ 4%/năm.
 - Tài sản đảm bảo: Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản hình thành trên đất của Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp – TNHH một thành viên trên diện tích 265.437 m² đất ở và 264.022 m² đất Trường Đại học - Khu đô thị mới thuộc Khu liên hợp công nghiệp – dịch vụ - đô thị Bình Dương.
- Trái phiếu phát hành cho Ngân hàng thương mại cổ phần hàng hải Việt Nam sau đó chuyển cho Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển Mê Kông với số tiền 400 tỷ VND và Ngân hàng TNHH Indovina với số tiền 100 tỷ VND:
 - Trái phiếu phát hành là trái phiếu có bảo đảm với các điều khoản và điều kiện: Tổng mệnh giá phát hành 200 tỷ VND để cơ cấu, tái cấu trúc tài chính của doanh nghiệp. Trái phiếu được phát hành dưới hình thức ghi danh có mệnh giá 1 tỷ VND/trái phiếu, giá phát hành bằng 100% mệnh giá, thời hạn 5 năm kể từ ngày phát hành là ngày 28 tháng 02 năm 2014. Trái phiếu có lãi suất cố định kỳ tính lãi đầu tiên là 14%/năm và bằng tổng lãi suất tham chiếu cộng biên độ 4%/năm từ kỳ tính lãi thứ 2.
 - Tài sản đảm bảo: Giá trị quyền sử dụng 40.667 m² đất tại xã Phú Chánh, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.
- Trái phiếu phát hành cho Ngân hàng thương mại cổ phần Bản Việt:
 - Trái phiếu phát hành là trái phiếu có bảo đảm với các điều khoản và điều kiện: Tổng mệnh giá phát hành 1.500 tỷ VND để đầu tư cho khu liên hiệp như: nhà khách thuộc Khu hành chính tập trung, nhà công vụ tỉnh Bình Dương; 03 tuyến đường đầu nối từ khu liên hiệp qua huyện Tân Uyên; khu nhà ở xã hội Hòa Lợi; khu nhà phố liền kề C2-C4; Cơ cấu nguồn vốn ngắn hạn sang vốn dài hạn đã đầu tư vào các dự án khu liên hiệp như Trường Đại học Quốc tế Miền Đông; nhà ở xã hội Hòa Lợi; 6 tuyến đường tạo lực (từ 2-7); 3 tuyến đường đầu nối từ khu liên hiệp qua huyện Tân Uyên. Trái phiếu được phát hành dưới hình thức ghi danh có mệnh giá 1 tỷ VND/trái phiếu, giá phát hành bằng mệnh giá, thời hạn 5 năm kể từ ngày phát hành là ngày 04 tháng 3 năm 2014. Trái phiếu có lãi suất cố định kỳ tính lãi đầu tiên, kỳ thứ hai là 14%/năm và bằng tổng lãi suất tham chiếu cộng biên độ 4%/năm từ kỳ tính lãi thứ ba.
 - Tài sản đảm bảo: Quyền sử dụng 13.511 m² đất tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương; Quyền sử dụng 1.817,7 m² đất tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (Khu đô thị mới); Quyền sử dụng 13.161,3 m² đất tại xã Định Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.



TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn:

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm
Vay dài hạn ngân hàng	3.979.863.658.123	935.997.486.277	2.391.095.826.919	652.770.344.927
Vay dài hạn các tổ chức khác và cá nhân	139.605.982.432	34.690.028.000	104.915.954.432	-
Trái phiếu có đảm bảo	9.700.000.000.000	1.500.000.000.000	8.200.000.000.000	-
Cộng	13.819.469.640.555	2.470.687.514.277	10.696.011.781.351	652.770.344.927

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số kết chuyển	Số tiền vay đã trả trong năm	Giảm khác	Số cuối năm
Vay dài hạn ngân hàng	1.912.217.777.043	1.234.966.972.983	(390.337.435.655)	(85.241.638.935)	(27.739.503.590)	2.643.866.171.846
Vay dài hạn các tổ chức khác và cá nhân	139.605.982.432	-	(34.690.028.000)	-	-	104.915.954.432
Trái phiếu có đảm bảo	7.000.000.000.000	3.100.000.000.000	(1.500.000.000.000)	-	-	8.600.000.000.000
Cộng	9.051.823.759.475	4.334.966.972.983	(1.925.027.463.655)	(85.241.638.935)	(27.739.503.590)	11.348.782.126.278

36. Doanh thu chưa thực hiện

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi bán nhà trả góp	3.341.124.348	3.600.043.273
Phải thu theo tiến độ góp vốn xây dựng nhà	31.342.625.910	66.898.917.800
Tiền thuê đất khu công nghiệp	41.704.022.434	22.060.741.308
Cộng	76.387.772.692	92.559.702.381

37. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	18.049.785.513	18.576.909.996
Chi cho hoạt động khoa học và công nghệ	(759.260.274)	(527.124.483)
Số cuối năm	17.290.525.239	18.049.785.513

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được thành lập theo Quyết định số 85/2011/QĐ-TC ngày 01 tháng 3 năm 2011 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên theo hướng dẫn tại Thông tư số 15/2011/TT-BTC ngày 09 tháng 02 năm 2011 của Bộ Tài chính.

38. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 3 đính kèm.

39. Lợi ích của cổ đông thiểu số

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông thiểu số trong giá trị tài sản thuần của các công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông thiểu số như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.520.907.213.502	1.611.463.012.363
Tăng do đầu tư	-	640.000.000

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi cổ tức, lợi nhuận được chia	52.149.694.048	548.656.623.461
Lãi tiền gửi có kì hạn	127.693.620.969	291.287.641.179
Lãi tiền gửi không kì hạn	7.466.366.022	3.414.586.206
Lãi cho vay, lãi trả chậm	8.492.700.111	26.834.649.338
Lãi bán hàng trả chậm	991.514.009	1.063.867.994
Lãi chuyển nhượng cổ phiếu và thoái vốn	5.033.142.259	2.787.285.873
Lãi thanh lý công ty liên kết	73.288.282.739	-
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	985.721.294	8.486.148.039
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	23.965.799.667	1.206.631.867
Các khoản khác	70.725.952.299	796.182.772
Cộng	370.792.793.417	884.533.616.729

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	358.034.666.369	338.325.080.085
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.091.743.914	15.158.742.274
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	53.620.441	3.164.508.986
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn, đầu tư chứng khoán, lỗ kinh doanh chứng khoán	(3.403.440.267)	(2.015.577)
Các khoản khác	2.513.809.570	1.407.415.892
Cộng	361.290.400.027	358.053.731.660

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	189.417.566.987	254.775.058.817
Chi phí nguyên vật liệu	10.887.336.336	11.968.657.441
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	5.680.282.075	1.243.654.371
Chi phí khấu hao TSCĐ	76.234.993.228	63.193.109.405
Chi phí hoa hồng môi giới	4.338.715.029	13.604.729.799
Chi phí dịch vụ mua ngoài	223.954.907.920	158.722.500.693
Chi phí khác bằng tiền	99.600.336.352	76.490.099.076
Cộng	610.114.137.927	579.997.809.602

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	105.396.024.371	218.292.804.898
Chi phí nguyên vật liệu	14.136.638.725	12.460.746.060
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	24.231.712.116	13.354.882.316
Chi phí khấu hao TSCĐ	44.438.089.253	37.809.487.894
Thuế, phí lệ phí	13.771.316.237	14.758.616.127
Chi phí dự phòng	5.293.729.072	(9.528.891.436)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	35.880.701.190	15.201.925.698
Chi phí khác bằng tiền	86.458.055.262	92.468.987.996
Cộng	329.606.266.226	394.818.559.553

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận trong năm	94.803.608.863	137.421.553.451
Cổ tức đã trả	(133.830.699.520)	(138.261.595.603)
Tăng/(Giảm) khác	(16.673.976.840)	(90.355.756.709)
Số cuối năm	1.465.206.146.005	1.520.907.213.502

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	6.091.175.053.520	4.844.643.939.994
- Doanh thu bán vé cầu đường	202.749.375.601	195.070.725.883
- Doanh thu xây dựng	269.335.298.077	329.637.573.044
- Doanh thu kinh doanh bất động sản, bất động sản đầu tư	3.991.009.040.236	2.872.485.488.411
- Doanh thu bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	1.237.796.277.790	1.085.096.722.008
- Doanh thu bán thành phẩm	354.086.817.311	331.747.868.776
- Doanh thu hoạt động khác	36.198.244.505	30.605.561.872
Các khoản giảm trừ doanh thu	(258.825.975.921)	(441.896.142.895)
- Giảm giá hàng bán	(439.659.112)	(484.362.541)
- Chiết khấu thương mại	(231.379.612)	-
- Hàng bán bị trả lại	(258.154.937.197)	(441.411.780.354)
Doanh thu thuần	5.832.349.077.599	4.402.747.797.099
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán vé cầu đường	202.749.375.601	195.070.725.883
- Doanh thu thuần xây dựng	247.612.732.235	329.364.845.771
- Doanh thu thuần kinh doanh bất động sản	3.754.578.368.059	2.431.540.023.580
- Doanh thu thuần bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	1.237.233.155.846	1.084.618.950.013
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	353.977.201.353	331.547.689.980
- Doanh thu thuần hoạt động khác	36.198.244.505	30.605.561.872

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn vé cầu đường	42.576.026.142	42.569.343.349
Giá vốn thi công, xây dựng công trình	175.730.213.683	149.875.991.400
Giá vốn kinh doanh bất động sản, bất động sản đầu tư	3.299.223.897.077	1.682.028.516.716
Giá vốn cung cấp dịch vụ, hàng hóa	751.216.179.329	522.283.339.631
Giá vốn của thành phẩm	332.373.369.795	265.284.674.844
Giá vốn hoạt động khác	33.345.351.383	15.965.769.313
Cộng	4.634.465.037.409	2.678.007.635.252

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**7. Thu nhập khác**

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	85.756.929.665	6.017.379.860
Thu nhập từ thanh lý vật tư, công cụ dụng cụ	1.330.282.356	519.695.973
Thu nhập từ bán điện, mù cao su	4.575.830.027	1.995.573.373
Thu nhập sang nhượng quyền sử dụng đất	-	4.870.083.998
Tiền phạt, bồi thường, khuyến mãi, chiết khấu	13.570.052.404	19.510.485.100
Xuất bán tài sản cho Trường Đại học Quốc tế Miền Đông	20.053.429.071	-
Xử lý tài sản thừa	-	1.417.804.770
Hoàn nhập dự phòng	8.750.989.362	12.284.372.237
Thu từ thu chi hộ	-	20.211.126.257
Khác	49.747.488.582	11.424.502.530
Cộng	183.785.001.467	78.251.024.098

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại TSCĐ thanh lý	51.046.197.139	3.659.394.684
Khấu hao TSCĐ không sử dụng	1.809.005.609	150.078.326
Chi phí hoa hồng thanh lý	4.124.476.106	3.305.423.727
Chi phí thanh lý công cụ dụng cụ, TSCĐ	2.791.669.540	122.571.643
Giá trị chi phí đầu tư xây dựng cơ bản thanh lý	6.365.947.000	-
Chi phí nộp phạt, bồi thường	726.942.568	2.829.343.132
Chi phí sản vận động Bình Dương	14.218.884.000	25.136.571.822
Chi phí thu, chi hộ	-	20.211.126.257
Giá vốn tài sản bán cho Trường Đại học Quốc tế Miền Đông	20.053.429.071	-
Các chi phí khác	43.913.249.695	11.060.993.128
Cộng	145.049.800.728	66.475.502.719

9. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty liên doanh TNHH khu công nghiệp Việt Nam – Singapore	403.169.528.930	370.615.431.270
Công ty cổ phần Setia – Becamex	(22.192.202.841)	(15.273.063.614)
Công ty cổ phần chứng khoán Đệ Nhất	9.278.225.745	1.066.847.315
Công ty cổ phần bảo hiểm Hùng Vương	2.762.386.676	247.094.547
Công ty cổ phần kinh doanh và đầu tư Bình Dương	-	(39.582.135.270)
Công ty cổ phần dược phẩm Savi	10.040.221.330	6.062.441.247
Công ty cổ phần công nghệ & truyền thông Việt Nam	6.756.469.589	(524.783)
Công ty cổ phần tư vấn xây dựng tổng hợp Bình Dương	-	184.827.302
Công ty TNHH Becamex Tokyu	(21.942.936.545)	(17.977.225.507)
Công ty cổ phần phát triển giáo dục Miền Đông	2.846.239.036	3.657.096.196
Công ty liên doanh TNHH Sinviet	409.664.622	471.337.859
Cộng	391.127.596.542	309.472.126.562



TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.886.924.268.895	1.617.891.365.817
Chi phí nhân công	834.726.714.417	957.063.388.424
Chi phí khấu hao tài sản cố định	453.511.176.122	408.509.658.493
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.273.029.579.448	4.012.515.689.236
Chi phí khác	321.315.484.917	295.114.344.782
Cộng	7.769.507.223.800	7.291.094.446.751

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nợ tiềm tàng

Thực hiện Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, ngày 13 tháng 6 năm 2014 Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương đã ra Quyết định số 1359/QĐ-UBND về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đá xây dựng cho Công ty cổ phần khoáng sản Becamex. Theo đó tiền cấp quyền khai thác khoáng sản Công ty cổ phần khoáng sản Becamex phải nộp cho trữ lượng khoáng sản đã khai thác trước đây từ ngày 01 tháng 7 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 4.873.663.080 VND.

Ngày 20 tháng 01 năm 2014 Công ty cổ phần khoáng sản Becamex cùng các công ty khai thác khoáng sản tỉnh Bình Dương đã gửi văn bản đến Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường kiến nghị không truy thu tiền cấp quyền khai thác từ ngày 01 tháng 7 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013. Do kiến nghị này đang được Chính phủ xem xét giải quyết chưa có văn bản trả lời cụ thể nên Tập đoàn chưa ghi nhận tiền nợ quyền khai thác khoáng sản từ ngày 01 tháng 7 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng thành viên, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng của Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp – TNHH một thành viên và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	1.799.129.068	2.166.000.000
Tiền thưởng	2.752.112.632	1.869.642.500
Cộng	4.551.241.700	4.035.642.500

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty liên doanh TNHH khu công nghiệp Việt Nam – Singapore	Công ty liên kết
Công ty cổ phần Setia – Becamex	Công ty liên kết
Công ty cổ phần chứng khoán Đệ Nhất	Công ty liên kết
Công ty cổ phần bảo hiểm Hùng Vương	Công ty liên kết
Công ty cổ phần kinh doanh và đầu tư Bình Dương	Công ty liên kết



TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty cổ phần dược phẩm Savi	Công ty liên kết
Công ty cổ phần công nghệ & truyền thông Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty cổ phần tư vấn xây dựng tổng hợp Bình Dương	Công ty liên kết
Công ty TNHH Becamex Tokyu	Công ty liên kết
Công ty cổ phần phát triển giáo dục Miền Đông	Công ty liên kết
Công ty liên doanh TNHH Sinviet	Công ty liên kết
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Chánh Phú Hòa	Công ty liên kết
Công ty cổ phần cấp nước Thủ Dầu Một	Công ty liên kết
Công ty cổ phần tái chế vật liệu Xanh	Công ty liên kết
Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai	Công ty liên kết

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Tập đoàn với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
<i>Công ty liên doanh TNHH khu công nghiệp Việt Nam - Singapore</i>		
Thực hiện các công trình xây dựng	54.502.820.083	44.070.523.385
Cổ tức được chia	258.902.101.049	513.506.407.027
Góp vốn	38.095.331.442	-
Mua dịch vụ	38.559.269	-
Phải thu tiền cung cấp dịch vụ đào tạo	110.464.000	-
<i>Công ty cổ phần Setia - Becamex</i>		
Bán vé cầu đường	-	55.636.364
Cung cấp dịch vụ thi công công trình	-	1.960.463.067
<i>Công ty cổ phần chứng khoán Đệ Nhất</i>		
Lợi nhuận được chia	8.915.662.400	5.572.289.000
Chia cổ tức	163.906.500	327.813.000
Phí tư vấn	-	30.000.000
<i>Công ty cổ phần bảo hiểm Hùng Vương</i>		
Thuê văn phòng, tiền điện	301.776.452	302.308.835
Chi phí bảo hiểm	815.882.442	9.508.602.470
Cổ tức được chia	1.800.000.000	1.800.000.000
<i>Công ty cổ phần công nghệ & truyền thông Việt Nam</i>		
Tiền điện	10.641.763	123.718.305
Cung cấp thiết bị cho các công trình	34.930.322.985	87.784.989.896
Cổ tức được chia	-	23.972.080.000
Nhận cung cấp dịch vụ cước	684.048.206	-
Mua tài sản cố định	1.400.376.890	-
Mua dịch vụ	10.318.333	-
<i>Công ty cổ phần tư vấn xây dựng tổng hợp Bình Dương</i>		
Cổ tức được chia	-	139.924.268

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH Becamex Tokyu		
Thuê văn phòng, tiền điện	2.295.294.291	3.782.310.772
Xây dựng công trình	18.671.813.342	55.792.845.224
Công ty cổ phần phát triển giáo dục Miền Đông		
Chuyển nhượng quyền sử dụng đất	-	38.062.573.124
Cho vay dài hạn	-	30.000.000.000
Cổ tức được chia	2.013.000.000	4.575.000.000
Lãi dự thu	1.444.475.000	1.263.250.000
Góp vốn	-	41.500.000.000
Ứng tiền thi công công trình	2.367.879.804	150.956.929.401
Tiền nước	10.893.333	-
Công ty liên doanh TNHH Sinviet		
Mua nước uống	13.877.000	44.996.000
Cung cấp dịch vụ	17.003.196	133.032.517
Thuê đất	1.773.445.338	-
Công ty cổ phần kinh doanh và đầu tư Bình Dương		
Mua bất động sản	1.630.088.595.645	-
Công ty cổ phần nước Thủ Dầu Một		
Góp vốn	59.800.000.000	-
Công ty cổ phần tái chế vật liệu Xanh		
Cho vay	2.500.000.000	-
Lãi cho vay	19.833.333	-
Công ty cổ phần đầu tư - xây dựng Chánh Phú Hòa		
Cổ tức	17.804.125.750	-
Phí bảo lãnh vay vốn	585.130.000	-

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty liên doanh TNHH khu công nghiệp Việt Nam - Singapore		
Phải thu tiền thi công các công trình xây dựng	31.102.337.644	29.059.413.854
Cổ tức phải thu	1.987.975.520.444	513.506.407.027
Công ty cổ phần Setia - Becamex		
Phải thu tiền sang nhượng quyền sử dụng đất	11.471.166.757	11.471.166.757
Thi công công trình	-	747.770.609

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Công ty cổ phần chứng khoán Đệ Nhất</i>		
Lợi nhuận được chia	8.915.662.400	5.572.289.000
<i>Công ty cổ phần bảo hiểm Hùng Vương</i>		
Ứng trước phí bảo hiểm	44.000.000	-
Cổ tức phải thu	-	1.800.000.000
<i>Công ty cổ phần kinh doanh và đầu tư Bình Dương</i>		
Phải thu tiền sang nhượng quyền sử dụng đất	-	378.568.356.152
<i>Công ty cổ phần công nghệ & truyền thông Việt Nam</i>		
Phải thu tiền điện	2.833.933	662.701
Cổ tức phải thu	13.973.818.333	13.973.818.333
Ứng trước tiền dịch vụ	37.898.366	-
<i>Công ty TNHH Becamex Tokyu</i>		
Phải thu tiền thuê văn phòng	43.286.537	1.152.890.480
Phải thu về thi công công trình		3.003.326.063
<i>Công ty cổ phần phát triển giáo dục Miền Đông</i>		
Cho vay dài hạn	-	21.000.000.000
Lãi dự thu	2.707.725.000	1.263.250.000
Xây dựng công trình	13.192.291.202	65.052.623.418
Cổ tức phải thu	2.013.000.000	-
Phải thu dịch vụ cung cấp	11.438.000	-
Cộng nợ phải thu	<u>2.075.790.978.616</u>	<u>1.046.171.974.394</u>
<i>Công ty liên doanh TNHH khu công nghiệp Việt Nam - Singapore</i>		
Chi hộ tiền đền bù giải phóng mặt bằng	-	4.638.890.597
<i>Công ty cổ phần chứng khoán Đệ Nhất</i>		
Cổ tức phải trả	256.900.000	-
Phí tư vấn	20.000.000	30.000.000
<i>Công ty cổ phần bảo hiểm Hùng Vương</i>		
Chi phí bảo hiểm	-	93.591.365
Nhận ứng trước tiền thuê văn phòng	50.160.000	50.160.000
<i>Công ty cổ phần công nghệ & truyền thông Việt Nam</i>		
Cung cấp thiết bị cho các công trình	72.439.341.381	97.224.212.580
Phải trả tiền mua sắm TSCĐ	1.400.376.890	-
Phải trả tiền cung cấp dịch vụ	83.685.182	-

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Công ty cổ phần tư vấn xây dựng tổng hợp Bình Dương</i>		
Cung cấp dịch vụ	-	745.309.500
<i>Công ty liên doanh TNHH Sinviet</i>		
Mua nước uống	936.100	3.832.400
<i>Công ty TNHH Becamex Tokyu</i>		
Ứng trước tiền thuê văn phòng	421.789.200	-
<i>Công ty cổ phần nước Thủ Dầu Một</i>		
Phải trả về vốn hợp tác đầu tư	84.000.000.000	-
Vay	80.000.000.000	-
Phải trả khác	1.801.471.493	-
<i>Công ty cổ phần kinh doanh và đầu tư Bình Dương</i>		
Phải trả tiền mua bất động sản	1.766.502.482.217	-
Cộng nợ phải trả	<u>2.006.977.142.463</u>	<u>102.785.996.442</u>

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

3. Thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	27.807.825.738	20.093.749.537
Trên 1 năm đến 5 năm	108.346.742.953	74.582.093.579
Trên 5 năm	886.007.779.445	689.993.380.978
Cộng	<u>1.022.162.348.136</u>	<u>784.669.224.094</u>

4. Quản lý rủi ro tài chính**Tổng quan**

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp – TNHH một thành viên chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu khác.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Phải thu khách hàng

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt. Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản, Tập đoàn yêu cầu khách hàng phải thanh toán đầy đủ và đúng tiến độ mới bàn giao tài sản. Riêng đối với trường hợp mua nhà trả trong nhiều năm, bộ phận kinh doanh bất động sản theo dõi chi tiết thời hạn thanh toán để có thể thu tiền cho đúng tiến độ.

Bên cạnh đó, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc các bộ phận khác để thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Tập đoàn liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng có khả năng tài chính tốt do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản phải thu khác

Các khoản phải thu khác chủ yếu là tiền cổ tức, lợi nhuận được chia phải thu các công ty liên kết và các đơn vị có khả năng tài chính tốt nên rủi ro tín dụng đối với các khoản phải thu khác là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.043.044.797.339	-	-	3.043.044.797.339
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	351.155.709.722	-	-	351.155.709.722
Phải thu khách hàng	4.666.378.024.942	216.446.742.668	17.707.979.971	4.900.532.747.581
Các khoản cho vay	56.040.000.000	-	-	56.040.000.000
Các khoản phải thu khác	657.460.619.230	-	1.958.225.948	659.418.845.178
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	123.592.120.000	-	11.893.028.550	135.485.148.550
Cộng	8.897.671.271.233	216.446.742.668	31.559.234.469	9.145.677.248.370
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.120.174.203.374	-	-	5.120.174.203.374
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	51.400.000.000	-	-	51.400.000.000
Phải thu khách hàng	2.781.445.750.996	132.417.050.513	14.436.983.857	2.928.299.785.366
Các khoản cho vay	66.000.000.000	-	-	66.000.000.000
Các khoản phải thu khác	661.253.576.513	-	-	661.253.576.513
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	141.076.893.046	-	22.735.710.935	163.812.603.981
Cộng	8.821.350.423.929	132.417.050.513	37.172.694.792	8.990.940.169.234



TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi tiết thời gian quá hạn của Phải thu khách hàng đã quá hạn nhưng không giảm giá như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Quá hạn dưới 06 tháng	67.370.732.509	38.506.601.121
Quá hạn trên 06 tháng đến dưới 01 năm	41.626.343.590	22.882.479.099
Quá hạn trên 01 năm đến dưới 02 năm	46.059.103.709	41.242.267.893
Quá hạn trên 02 năm đến dưới 03 năm	25.893.306.460	29.785.702.400
Quá hạn trên 03 năm	35.497.256.400	-
Cộng	216.446.742.668	132.417.050.513

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	6.724.369.082.484	10.696.011.781.351	652.770.344.927	18.073.151.208.762
Phải trả người bán	2.715.197.105.419	-	-	2.715.197.105.419
Các khoản phải trả khác	11.011.575.212.963	2.373.717.738.251	1.834.348.253	13.387.127.299.467
Cộng	20.451.141.400.866	13.069.729.519.602	654.604.693.180	34.175.475.613.648
Số đầu năm				
Vay và nợ	7.408.252.313.240	7.918.680.526.806	1.133.143.232.669	16.460.076.072.715
Phải trả người bán	1.089.613.590.075	-	-	1.089.613.590.075
Các khoản phải trả khác	9.279.193.488.313	1.856.598.496.820	1.834.348.253	11.137.626.333.386
Cộng	17.777.059.391.628	9.775.279.023.626	1.134.977.580.922	28.687.315.996.176

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp – TNHH một thành viên cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Tập đoàn có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn thanh toán lương cho người nước ngoài với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD và có các khoản vay bằng EUR, do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Nợ phải trả thuần có gốc ngoại tệ của Tập đoàn như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	USD	EUR	USD	EUR
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.427.011.35	10.380.02	494.496.61	10.119.70
Các khoản phải thu khác	31.128.00	-	-	-
Phải trả người bán	(2.999.49)	-	(1.437.562.50)	-
Vay và nợ	-	(9.014.761.99)	-	(9.818.199.32)
Các khoản phải trả khác	-	-	(13.075.720.00)	-
Cộng	1.455.139.86	(9.004.381.97)	(14.018.785.89)	(9.808.079.62)

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp – TNHH một thành viên đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản vay ngắn hạn và dài hạn, phát hành trái phiếu có lãi suất thả nổi.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Tập đoàn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
VND	17.838.488.681.124	16.175.279.565.040
EUR	9.014.761.99	9.818.199.32

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận kế toán trước thuế năm nay của Tập đoàn sẽ giảm/tăng 356.769.773.622 VND (năm trước giảm/tăng 323.505.591.301 VND).

Mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất các khoản vay EUR có lãi suất thả nổi đến lợi nhuận kế toán trước thuế là không đáng kể.

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Tập đoàn nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp – TNHH một thành viên đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể.

Rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu

Tập đoàn có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Giá trị sổ sách của các tài sản tài chính thế chấp cho đơn vị khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi ngân hàng	730.155.850.578	643.342.885.212
Các khoản tương đương tiền	826.000.000.000	1.474.818.990.232
Tiền gửi có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 1 năm	233.000.000.000	10.460.000.000
Phải thu khách hàng	-	163.000.000.000
Quyền thu cổ tức từ công ty con, liên kết	180.000.000.000	180.000.000.000
Cộng	1.969.155.850.578	2.471.621.875.444

Tập đoàn sẽ được giải chấp các tài sản thế chấp khi đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Không có các điều khoản và điều kiện đặc biệt liên quan đến việc sử dụng các tài sản thế chấp này.

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Tập đoàn không có tài sản nhận thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

Giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của tài sản tài chính được trình bày ở Phụ lục 4 đính kèm.

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ	18.073.151.208.762	16.460.076.072.715	18.073.151.208.762	16.460.076.072.715
Phải trả người bán	2.715.197.105.419	1.089.613.590.075	2.715.197.105.419	1.089.613.590.075

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khoản phải trả khác	13.387.127.299.467	11.137.626.333.386	13.387.127.299.467	11.137.626.333.386
Cộng	34.175.475.613.648	28.687.315.996.176	34.175.475.613.648	28.687.315.996.176

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Tập đoàn sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính. Đối với các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc năm tài chính thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và vay dài hạn được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

Tập đoàn chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp – TNHH một thành viên đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

Bình Dương, ngày 28 tháng 3 năm 2015




Phan Thị Mỹ Kim
Người lập biểu


Nguyễn Văn Danh
Kế toán trưởng


Nguyễn Văn Hùng
Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Phụ lục 1: Bảng tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Đơn vị tính: VND
Số đầu năm	2.273.958.888.938	654.367.372.517	2.438.150.647.970	79.525.602.726	298.659.332.101	5.744.661.844.252
Tăng trong năm	317.069.718.998	88.775.341.260	331.053.661.916	8.504.537.094	214.573.186.480	959.976.445.748
Mua sắm mới	20.428.250.430	34.286.087.734	11.569.000.027	6.691.779.800	827.319.883	73.802.437.874
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	291.242.094.154	53.232.900.286	311.645.469.702	1.317.581.476	211.585.977.339	869.024.022.957
Tài sản nhận từ Nhà nước	4.266.166.330	1.256.353.240	6.933.877.802	-	-	12.456.397.372
Tặng khác	1.133.208.084	-	905.314.385	495.175.818	2.159.889.258	4.693.587.545
Giảm trong năm	(14.965.255.790)	(28.516.423.534)	(63.007.548.185)	(9.106.780.980)	(548.391.552)	(116.144.400.041)
Thanh lý, nhượng bán	(14.954.928.972)	(27.646.944.384)	(62.258.650.841)	(7.936.486.312)	-	(112.797.010.509)
Giảm khác	(10.326.818)	(869.479.150)	(748.897.344)	(1.170.294.668)	(548.391.552)	(3.347.389.532)
Số cuối năm	2.576.063.352.146	714.626.290.243	2.706.196.761.701	78.923.358.840	512.684.127.029	6.588.493.889.959
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	13.801.019.291	53.652.258.466	146.000.767.206	30.900.847.427	9.078.136.987	253.433.029.377
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	612.124.671.646	310.651.590.564	712.358.340.520	49.676.376.674	49.273.459.256	1.734.084.438.660
Tăng trong năm	151.849.663.660	78.856.192.703	188.166.357.164	13.455.642.872	25.579.595.381	457.907.451.780
Khấu hao trong năm	151.849.663.660	78.856.192.703	188.166.357.164	13.419.278.080	25.579.595.381	457.871.086.988
Tặng khác	-	-	-	36.364.792	-	36.364.792
Giảm trong năm	(4.450.647.075)	(14.805.144.889)	(42.639.815.398)	(7.224.216.936)	(548.391.552)	(69.668.215.850)
Thanh lý, nhượng bán	(4.440.320.257)	(14.394.476.765)	(42.214.134.446)	(6.111.035.705)	-	(67.159.967.173)
Chuyển sang công cụ, dụng cụ	(10.326.818)	(410.668.124)	(425.680.952)	(1.113.181.231)	(548.391.552)	(2.508.248.677)
Số cuối năm	759.523.688.231	374.702.638.378	857.884.882.286	55.907.802.610	74.304.663.085	2.122.323.674.590
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	1.661.834.217.292	343.715.781.953	1.725.792.307.450	29.849.226.052	249.385.872.845	4.010.577.405.592
Số cuối năm	1.816.539.663.915	339.923.651.865	1.848.311.879.415	23.015.556.230	438.379.463.944	4.466.170.215.369
Trong đó:						

Tạm thời chưa sử dụng
Đang chờ thanh lý

tháng 3 năm 2015

Phan Thị Mỹ Kim
Người lập biểu

Người lập biểu

Nguyễn Văn Dành
Kế toán trưởng

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Hùng
Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc

67

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Phụ lục 2: Bảng tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Nguyên giá	Quyền sử dụng đất	Chi phí khảo sát, thiết kế, thẩm dò trữ lượng đá	Tiêu chuẩn kỹ thuật công	Phần mềm máy vi tính	Tài sản cố định khác	Đơn vị tính: VND
Số đầu năm	128.501.893.257	2.822.181.901	542.840.908	18.212.961.709	1.222.347.982	151.302.225.757
Tăng trong năm	34.335.100.242	412.500.000	-	1.902.549.984	6.292.426.060	42.942.576.286
Mua sắm mới	30.078.157.651	412.500.000	-	1.902.549.984	6.292.426.060	38.685.633.695
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	4.256.942.591	-	-	-	-	4.256.942.591
Giảm trong năm	(5.732.775.000)	-	-	(582.840.000)	(562.412.602)	(6.878.027.602)
Thanh lý, nhượng bán	(5.513.600.000)	-	-	(547.840.000)	(562.412.602)	(6.623.852.602)
Giảm do chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(219.175.000)	-	-	(35.000.000)	-	(254.175.000)
Số cuối năm	157.104.218.499	3.234.681.901	542.840.908	19.532.671.693	6.952.361.440	187.366.774.441
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	174.659.090	1.959.561.721	-	2.134.220.811
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	3.420.996.083	2.529.820.780	293.103.706	12.106.182.720	917.649.264	19.267.752.553
Khấu hao trong năm	2.302.348.823	312.986.121	83.651.514	2.710.432.230	1.297.645.566	6.707.064.254
Thanh lý, nhượng bán	(272.632.917)	-	-	(407.042.170)	(535.023.712)	(1.214.698.799)
Giảm khác	-	-	-	(35.000.000)	-	(35.000.000)
Số cuối năm	5.450.711.989	2.842.806.901	376.755.220	14.374.572.780	1.680.271.118	24.725.118.008
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	125.080.897.174	292.361.121	249.737.202	6.106.778.989	304.698.718	132.034.473.204
Số cuối năm	151.653.506.510	391.875.000	166.085.688	5.158.098.913	5.272.090.322	162.641.656.433
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-



Phan Thị Mỹ Kim

Phan Thị Mỹ Kim
Người lập biểu

Nguyễn Văn Dành
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Hùng
Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Phụ lục 3: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chính lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Đơn vị tính: VND
Số dư đầu năm trước	5.500.000.000.000	13.067.408.560	13.322.131.418	(99.960.000)	(7.492.244.402)	463.875.514.138	650.818.830.178	619.687.904.915	341.806.850.554	Cộng
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	1.277.808.754.821	1.277.808.754.821	7.594.986.435.361
Ngân sách Nhà nước cấp bổ sung	580.129.156.658	-	-	-	-	-	-	-	-	1.277.808.754.821
Thặng dư do sáp nhập Công ty TNHH MTV cao su Bình Dương	-	-	-	-	-	-	-	-	-	580.129.156.658
Góp vốn bằng quyền sử dụng đất	49.724.371.369	-	-	-	-	-	-	-	-	49.724.371.369
Lợi nhuận nộp ngân sách	3.232.699.680	-	-	-	-	-	-	(836.005.407.267)	-	3.232.699.680
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	114.019.496	-	-	395.306.278.134	5.645.613.374	(503.587.993.856)	-	(836.005.407.267)
Kết chuyển quỹ dự phòng tài chính sang quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	559.330.694.427	(559.330.694.427)	(2.365.993.688)	-	(102.522.082.852)
Tăng/(giảm) khác	-	-	-	-	14.477.854.372	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	6.133.086.227.707	13.067.408.560	13.436.150.914	(99.960.000)	6.985.609.970	1.418.512.486.699	97.133.749.125	555.537.264.926	509.254.579.714	179.559.589.844
Số dư đầu năm nay	6.133.086.227.707	13.067.408.560	13.436.150.914	(99.960.000)	6.985.609.970	1.418.512.486.699	97.133.749.125	555.537.264.926	509.254.579.714	8.746.913.517.615
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	555.537.264.926	-	551.653.343.763
Ngân sách Nhà nước cấp bổ sung	733.379.157.940	-	-	-	-	-	-	551.653.343.763	-	733.379.157.940
Chỉ quỹ trong năm	-	-	-	-	-	-	(118.030.814)	-	-	(118.030.814)
Góp vốn bằng quyền sử dụng đất	2.769.458.592	-	-	-	-	-	-	-	-	2.769.458.592
Lợi nhuận nộp ngân sách	-	-	-	-	-	-	-	(350.921.217.584)	-	(350.921.217.584)
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	150.928.473.319	-	-	50.100.786.475	4.363.311.985	(273.144.648.055)	-	(67.752.076.276)
Tăng vốn từ quỹ đầu tư phát triển	1.381.539.169.028	-	-	-	-	(1.381.539.169.028)	-	-	-	-
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản ngân sách cấp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương	(497.970.173.338)	-	-	-	-	-	-	-	104.114.432.584	104.114.432.584
Tăng/(giảm) khác	-	(198.000.000)	207.467.843.170	-	(1.089.265.178)	42.280.427.789	(32.490.525.622)	(79.849.650.572)	-	(497.970.173.338)
Số dư cuối năm nay	7.752.803.839.929	12.869.408.560	371.832.467.403	-	5.896.344.792	129.354.531.935	68.888.504.674	403.275.093.477	553.113.326.168	9.911.402.528.237

Thủ Dầu Một, ngày 28 tháng 3 năm 2015



(Handwritten signature)

Phan Thị Mỹ Kim
Người lập biểu

Nguyễn Văn Dành
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Hùng
Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Phụ lục 4: Giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Đơn vị tính: VND
	Số cuối năm		Số đầu năm		
	Gía gốc	Dự phòng	Gía gốc	Dự phòng	
Tài sản tài chính					
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.043.044.797.339	-	5.120.174.203.374	-	5.120.174.203.374
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	351.155.709.722	-	51.400.000.000	-	51.400.000.000
Phải thu khách hàng	4.900.532.747.581	(22.710.972.676)	2.928.299.785.366	(17.417.243.604)	2.496.112.699.607
Các khoản cho vay	56.040.000.000	-	66.000.000.000	-	64.682.934.653
Các khoản phải thu khác	659.418.845.178	-	661.253.576.513	-	661.253.576.513
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	135.485.148.550	(2.193.380.104)	163.812.603.981	(5.596.820.371)	158.215.783.610
Cộng	9.145.677.248.370	(24.904.352.780)	8.990.940.169.234	(23.014.063.975)	8.551.839.197.758

Đơn vị tính: VND

Bình Dương, ngày 28 tháng 3 năm 2015



Phan Thị Mỹ Kim
Người lập biểu

Nguyễn Văn Dành
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Hùng
Tổng Giám đốc

